

Số: **762** /CBTT-VSF

TP. Hồ Chí Minh, ngày **29** tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã chứng khoán: VSF

Địa chỉ trụ sở chính: 333 đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên hệ: (028).38370026

Fax: (028).38365898

E-mail: vanphong@vsfc.com.vn

Website: www.vinafood2.com.vn

Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Hiến –
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

Loại thông tin công bố:

☒ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Nghị quyết, Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ
đồng thường niên năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ
phần

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại
đường dẫn: <https://vinafood2.com.vn/profile/quan-he-co-dong/>, mục Quan hệ cổ
đồng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
TỔNG GIÁM ĐỐC** *th*



Nguyễn Văn Hiến

Số: 02/2026/VSF-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần số 02/BB-VSF-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở chính Văn phòng Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty): Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty được tổ chức với sự tham gia của 10 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho **498.533.011** tổng số phiếu có quyền biểu quyết, chiếm **99,71%** tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Sau khi nghe trình bày các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 (Báo cáo số 01/BC-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026).

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là **498.531.011** chiếm tỷ lệ **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.*

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2025 (Báo cáo số 02/BC-LTMN-BKS ngày 28/4/2026).

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là **498.531.011** chiếm tỷ lệ **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.*



Điều 3: Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát (Báo cáo số 03/BC-LTMN-BKS ngày 28/4/2026).

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 theo Tờ trình số 01/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ năm 2025 được kiểm toán tại Báo cáo số 136/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần được kiểm toán tại Báo cáo số 137/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM ngày 25/3/2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của Công ty mẹ theo Tờ trình số 03/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026. Trong đó, năm 2025 và kế hoạch năm 2026 Công ty mẹ còn số lỗ lũy kế nên không đủ điều kiện trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7: Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 theo Tờ trình số 04/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty theo Tờ trình số 05/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9: Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập theo Tờ trình số 06/TTr-LTMN-BKS ngày 28/4/2026 của Ban kiểm soát Tổng công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 10: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 07/TTr-LTMN-BKS ngày 28/4/2026 của Ban kiểm soát.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua việc cập nhật, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình số 08/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Tờ trình số 09/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 498.531.011 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 13. Thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2023 – 2028 đối với ông Đoàn Quang Long.

Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 tiếp quản công việc ngay sau khi được bầu.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần thông qua toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cổ đông VINAFOOD II;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



[Signature]
Nguyễn Huy Hưng

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 02/BB-VSF-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

- Tên công ty : Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần
- Trụ sở chính : 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 3837 0026 Fax: (028) 3836 5898
- Mã số doanh nghiệp : 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 10 năm 2025.
- Thời gian họp : 09 giờ 00 phút ngày 28 tháng 4 năm 2026
- Địa điểm họp : 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh.

PHẦN 1: GIỚI THIỆU KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

Người báo cáo: Ông Nguyễn Tài Đại - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu.

Nội dung báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng **31/3/2026**, sở hữu **500.000.000** cổ phần có quyền biểu quyết (CPBQ) của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty).

- Cổ đông tham dự Đại hội: 10 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho **498.533.011** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **99,71%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Giới thiệu Đoàn chủ tọa, bao gồm:

- Ông Nguyễn Huy Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT)
- Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân - Phó Chủ tịch HDQT
- Ông Nguyễn Văn Hiến - Thành viên HDQT, Tổng giám đốc

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

3. Đoàn chủ tọa cử Thư ký Đại hội, bao gồm:

- Bà Trần Thị Đoàn Thu - Trưởng ban



- Ông Trần Ngọc Chính Thành viên

4. Chủ tọa giới thiệu để Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu, bao gồm:

- Ông Nguyễn Tài Đại Trưởng Ban

- Ông Nguyễn Quang Tâm Thành viên

- Ông Nguyễn Văn Ngọc Thành viên

- Ông Nguyễn Sỹ Chuân Thành viên

- Ông Nguyễn Lê Bảo Anh Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

5. Ông Nguyễn Huy Hưng - Chủ tọa cuộc họp thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông.

6. Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị.

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO

Nội dung 01. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 (Báo cáo số 01/BC-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026).

Người trình bày: Ông Nguyễn Văn Hiến – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

Nội dung 02. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2025 (Báo cáo số 02/BC-LTMN-BKS ngày 28/4/2026).

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 03. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát (Báo cáo số 03/BC-LTMN-BKS ngày 28/4/2026).

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Trưởng Ban Kiểm soát.

II. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY CÁC TỜ TRÌNH

Nội dung 04. Tờ trình số 01/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của HĐQT về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Người trình bày: Ông Nguyễn Quang Tâm – Trưởng ban Kế hoạch tổng hợp - Thành viên Ban tổ chức ĐHĐCĐ.

Nội dung 05. Tờ trình số 02/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP đã được kiểm toán.

Người trình bày: Ông Nguyễn Vương Quốc – Kế toán trưởng, Thành viên Ban tổ chức ĐHĐCĐ.

Nội dung 06. Tờ trình số 03/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của HĐQT về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của Công ty mẹ.

Người trình bày: Ông Nguyễn Vương Quốc – Kế toán trưởng, Thành viên Ban tổ chức ĐHĐCĐ.

Nội dung 07. Tờ trình số 04/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của HĐQT về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Người trình bày: Ông Nguyễn Văn Ngọc – Phó Trưởng Ban Tổ chức.

Nội dung 08. Tờ trình số 05/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Người trình bày: Ông Nguyễn Văn Ngọc – Phó Trưởng Ban Tổ chức.

Nội dung 09. Tờ trình số 06/TTr-LTMN-BKS ngày 28/4/2026 của Ban kiểm soát về việc phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty.

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 10. Tờ trình số 07/TTr-LTMN-BKS ngày 28/4/2026 của Ban kiểm soát về Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Vinh - Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 11. Tờ trình số 08/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của HĐQT về việc cập nhật, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh.

Người trình bày: Ông Nguyễn Tài Đại – Phụ trách Ban Pháp chế, Thành viên Ban tổ chức ĐHĐCĐ.

Nội dung 12. Tờ trình số 09/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Người trình bày: Ông Nguyễn Tài Đại – Phụ trách Ban Pháp chế, Thành viên Ban tổ chức ĐHĐCĐ.

Nội dung 13. Tờ trình số 10/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.

Người trình bày: Ông Trần Hoàng Ngân – Phó Tổng giám đốc.

PHẦN 3: THẢO LUẬN

Sau khi nghe trình bày nội dung các báo cáo, tờ trình, cổ đông không có ý kiến.

PHẦN 4: CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín các nội dung sau:

Số lượng Đại biểu tham dự: 10 đại biểu.

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 14 đại biểu.

Đại diện cho: 498.533.011 tổng số phiếu có quyền biểu quyết

Chiếm: 99,71% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 (Báo cáo số 01/BC-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026).

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 01 đã được thông qua.

Nội dung 02: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2025 (Báo cáo số 02/BC-LTMN-BKS ngày 28/4/2026).

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 02 đã được thông qua.

Nội dung 03: Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát (Báo cáo số 03/BC-LTMN-BKS ngày 28/4/2026).

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 03 đã được thông qua.

Nội dung 04: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 theo Tờ trình số 01/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty, với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch Công ty mẹ:

- Tổng doanh thu: 9.150.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 7.000 triệu đồng.
- Kế hoạch đầu tư phát triển: 92,530 tỷ đồng.

2. Chỉ tiêu hợp nhất:

- Tổng sản lượng: 1.525.600 tấn.
- Tổng doanh thu: 16.020.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 71.550 triệu đồng.

(Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đều chưa tính tới các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh trong năm tài chính 2026).

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 04 đã được thông qua.

Nội dung 05: Thông qua Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ năm 2025 được kiểm toán tại Báo cáo số 136/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần được kiểm toán tại Báo cáo số 137/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM ngày 25/3/2026.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 05 đã được thông qua.

Nội dung 06: Thông qua Tờ trình số 03/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của Công ty mẹ. Trong đó, năm 2025 và kế hoạch năm 2026 Công ty mẹ còn số lỗ lũy kế nên không đủ điều kiện trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của

Tổng công ty.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 06 đã được thông qua.

Nội dung 07: Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 theo Tờ trình số 04/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026.
Trong đó:

1. Tiền lương và thù lao của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 là 3.266,69 triệu đồng gồm:

a) Tổng số tiền lương của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách năm 2025 là 2.964,69 triệu đồng.

b) Tổng số tiền thù lao của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2025 là 302,00 triệu đồng.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm là 5.011,20 triệu đồng gồm:

a) Tổng số tiền lương kế hoạch của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách năm 2026 là 4.392,00 triệu đồng.

b) Tổng số tiền thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2026 là 619,20 triệu đồng.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tổng số tiền lương và thù lao kế hoạch, Tổng công ty xác định mức lương và thù lao phù hợp, tạm ứng tiền lương và thù lao hàng tháng cho Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên không vượt mức kế hoạch nêu trên và được xác định theo đúng quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ gắn với nguyên tắc được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm và các quy định có liên quan, Tổng công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quỹ lương và tổng mức thù lao thực hiện để quyết toán và chi trả cho các chức danh.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 07 đã được thông qua

Nội dung 08. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty theo Tờ trình số 05/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 08 đã được thông qua.

Nội dung 09: Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập theo Tờ trình số 06/TTr-LTMN-BKS ngày 28/4/2026 của Ban kiểm soát Tổng công ty. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh sách được phê duyệt để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 09 đã được thông qua.

Nội dung 10: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 07/TTr-LTMN-BKS ngày 28/4/2026 của Ban kiểm soát.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 10 đã được thông qua.

Nội dung 11. Thông qua việc cập nhật, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình số 08/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 11 đã được thông qua.

Nội dung 12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Tờ trình số 09/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Nội dung 12 đã được thông qua.

Nội dung 13. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 theo Tờ trình số 10/TTr-LTMN-HĐQT ngày 28/4/2026

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 9	- Số cổ phần: 498.531.011	- Tỷ lệ: 100% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ tham gia biểu quyết

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua:

a) Số Thành viên Hội đồng quản trị được bầu: **01 người.**

b) Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị: **Ông Đoàn Quang Long.**

PHẦN 5: BẦU CỬ

Đại hội tiến hành bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Danh sách trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028:

Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu (%)
Ông Đoàn Quang Long	498.531.011	100

Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 tiếp quản công việc ngay sau khi được bầu.

PHẦN 6: TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

Tổng công ty tiếp thu ý kiến của Đại diện Bộ Tài chính.

PHẦN 7: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Trần Thị Đoàn Thu - Ban Thư ký, đọc Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 15 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Trần Thị Đoàn Thu

Trần Ngọc Chính

CHỦ TỌA



Nguyễn Huy Hưng



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 01 /BC-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - CTCP

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Thành phần Hội đồng quản trị

Tổng công ty Lương thực miền Nam - CTCP (sau đây viết tắt là Tổng công ty) là công ty đại chúng, tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp (Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Tổng giám đốc). Trong năm 2025, thành phần HĐQT như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Huy Hưng	Chủ tịch HĐQT	22/10/2021	
2	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	22/10/2021	
		Phó Chủ tịch HĐQT	04/10/2023	
3	Ông Trần Tấn Đức	Thành viên HĐQT, TGD	28/02/2024	30/01/2026
4	Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên HĐQT	09/4/2023	
5	Ông Nguyễn Văn Hiến	Thành viên HĐQT, PTGD	27/12/2024	

Tổng công ty là công ty đại chúng đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (hệ thống giao dịch Upcom).

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025

Các thành viên HĐQT thực hiện trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty

theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Theo phân công nhiệm vụ, các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tiến hành 60 cuộc họp, các buổi làm việc với Ban Tổng giám đốc, lãnh đạo các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc, Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 54 nghị quyết, 119 quyết định và các văn bản chỉ đạo thuộc thẩm quyền của HĐQT để chỉ đạo và giám sát việc thực hiện đối với Ban Tổng giám đốc, Người đại diện của Tổng công ty trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong toàn Tổng công ty.

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường, vượt ngoài dự báo; lạm phát duy trì ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt; rủi ro địa chính trị gia tăng, bất ổn trong vận tải biển, chi phí logistics cao, gây áp lực lớn đến hoạt động xuất khẩu; cùng với đó là tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, ảnh hưởng trực tiếp đến chuỗi cung ứng nông nghiệp và hoạt động thương mại quốc tế, qua đó tạo sức ép đối với công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

Năm 2025 được xác định là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch 5 năm 2021-2025, làm tiền đề cho giai đoạn kế hoạch 2026-2030; đồng thời thực hiện mục tiêu tăng trưởng theo chỉ đạo của Chính phủ, tăng trưởng sản lượng hoặc doanh thu năm 2026 từ 10% trở lên. Với sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của cơ quan đại diện chủ sở hữu, sự đồng hành của cổ đông chiến lược, cùng với nỗ lực và quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể người lao động, Tổng công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 10% và tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Một là, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua:

Tập trung chỉ đạo, điều hành để thích ứng những thay đổi về chính sách, thị trường, nhu cầu của khách hàng; thực hiện giao kế hoạch SXKD phù hợp với năng lực của từng đơn vị, cùng với các giải pháp khả thi để nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của đơn vị và Tổng công ty. Kết quả, đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 được ĐHĐCĐ giao và Quyết định số 3115/QĐ-BTC ngày 05/9/2025 của Bộ Tài chính về giao bổ sung chỉ tiêu tăng trưởng 10% năm 2025, với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Tổng sản lượng năm 2025 là 1.386.128 tấn, đạt 101% kế hoạch năm (chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được Bộ Tài chính giao tăng trưởng 10%).

- Tổng doanh thu năm 2025 là 18.500,050 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm. Trong đó doanh thu của Công ty mẹ là 10.461,046 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 56,55%/tổng doanh thu toàn Tổng công ty), đạt 102% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận hợp nhất năm 2025 lãi 86,268 tỷ đồng đạt 146% kế hoạch năm. Trong đó, lợi nhuận Công ty mẹ lãi 5,517 tỷ đồng đạt 110% kế hoạch năm.

- Công tác đầu tư phát triển năm 2025: tổng giá trị thực hiện 21,369 tỷ đồng, đạt 25,04% so với kế hoạch. Chủ yếu thực hiện các hạng mục đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như: máy tách màu và thiết bị phụ trợ; thùng chứa; nâng nền các kho, phân xưởng; đầu tư mới dây chuyền sản xuất bánh trắng xuất khẩu với năng suất 500 tấn/năm.

Hai là, về công tác quản trị doanh nghiệp:

(i) Tiếp tục phát huy mô hình quản trị tập trung, Tổng công ty đã tăng cường kiểm soát, điều hành thống nhất, qua đó sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh; công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn và tài sản tại các đơn vị được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng mục đích, hạn chế thất thoát và phát sinh công nợ; tăng cường quản lý, tối ưu quy trình sản xuất, chế biến và lưu kho; triển khai quyết liệt các giải pháp tiết giảm chi phí, đặc biệt trong khâu thu mua và sản xuất, phân đấu nâng tỷ lệ thu hồi thành phẩm tối thiểu 1% và tổng thu hồi thêm 0,1% nhằm giảm giá thành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(ii) Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và phù hợp với địa giới hành chính mới, hướng đến mô hình tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tổng công ty đã hoàn thành rà soát, sắp xếp và hợp nhất công tác điều hành của 06 đơn vị hoạt động chưa hiệu quả vào các đơn vị hoạt động hiệu quả hơn để tập trung quản lý, phát huy nguồn lực hiện có. Đồng thời, thực hiện tinh giản bộ máy, giảm cấp trung gian; bố trí, điều chuyển lao động hợp lý; tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động trong quản trị và sản xuất kinh doanh. Kết quả, sắp xếp lại người quản lý và giải quyết 127 lao động dôi dư; bộ máy vận hành tinh gọn hơn, chi phí quản lý được tiết giảm, hiệu quả hoạt động được cải thiện.

(iii) Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã đạt được một số kết quả như: công tác xử lý, sắp xếp các cơ sở nhà đất; công tác cơ cấu lại các đơn vị phụ thuộc, công ty có vốn góp để tăng hiệu quả; riêng công tác chuyển nhượng vốn, Tổng công ty đang tiến hành các bước, trình tự thoái vốn theo Đề án cơ cấu đã được phê duyệt.

(iv) Chỉ đạo quyết liệt công tác xử lý, thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ tồn đọng kéo dài, nợ khó đòi và công nợ luân chuyển; thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết các vụ án đã khởi kiện. Đồng thời, rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý đối với các khoản nợ chưa áp dụng biện pháp pháp lý, kịp thời thực hiện khởi kiện khi đủ điều kiện nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi hợp pháp cho Tổng công ty. Kết quả, Tổng công ty đã thu hồi được 15,034 tỷ đồng, góp phần cải thiện dòng tiền, giảm áp lực tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong toàn hệ thống.

(v) Hoàn thành hầu hết các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và thực hiện điều chỉnh kê khai, nộp thuế theo đúng yêu cầu tại Kết luận số 143/KT-CT ngày 09/10/2024

của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh. Đồng thời hoàn thiện Hồ sơ quyết toán vốn điều chỉnh theo Báo cáo Kiểm toán nhà nước và Kết luận của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, đã trình Bộ Tài chính, Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét và đang chờ ý kiến chỉ đạo để thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

(vi) Về công tác chuyển đổi pháp nhân trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên Tổng công ty Lương thực miền Nam - CTCP, đã ký hợp đồng thuê đất và được chấp thuận của UBND các tỉnh chấp thuận cho chuyển sang tên Tổng công ty là 90/102 cơ sở đạt 88,23% tiến độ các cơ sở đã được phê duyệt.

(vii) Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Tổng công ty tập trung đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tăng năng lực cạnh tranh; tăng cường công tác quản lý và tối ưu quy trình sản xuất, chế biến, lưu kho; triển khai quyết liệt các giải pháp tiết giảm chi phí, đặc biệt là kiểm soát chặt chẽ quy trình thu mua và sản xuất.

(viii) Chỉ đạo nâng cao công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm xuyên suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ; đồng thời chỉ đạo tổ chức rà soát, kiểm soát nghiêm ngặt nguyên liệu đầu vào và toàn bộ quy trình sản xuất, nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

(ix) Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty phù hợp với mô hình quản trị tập trung và các quy định pháp luật hiện hành.

Ba là, về quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:

- Chỉ đạo đối với Người đại diện của Tổng công ty tại các công ty thành viên biểu quyết, quyết định trong cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông của công ty đúng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty. Đồng thời có những chủ trương chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên và hiệu quả vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

- Sắp xếp, cử lại Người đại diện của Tổng công ty tham gia quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty. Đồng thời, tăng cường công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; thực hiện công tác quản lý, đánh giá đối với Người đại diện của Tổng công ty.

3. Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị đã giám sát trực tiếp bằng hình thức tham dự các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Tổng công ty để chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị, đồng thời thực hiện giám sát thường xuyên thông qua chế độ báo cáo theo quy định. Bên cạnh đó, HĐQT chỉ đạo thành lập các Tổ kiểm tra theo chuyên đề để tăng cường việc giám sát và có những chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời những vấn đề phát sinh cần giải quyết.

- Việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế thấp nhất những rủi ro phát sinh.

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Năm 2025, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, các chủ trương từ Hội đồng quản trị, điều hành linh hoạt trước những diễn biến của thị trường, tình hình thực tế phát sinh tại Tổng công ty. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn được thực hiện chặt chẽ, kịp thời để nắm bắt và xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh và các tình huống cấp thiết.

- Trong công tác điều hành, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, các quy chế, quy định của Tổng công ty; đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty; đồng thời thực hiện báo cáo HĐQT theo quy định.

5. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ được thành lập theo Quyết định số 17/2021/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 29/3/2021 của Hội đồng quản trị và hoạt động theo Quy chế kiểm toán nội bộ (được ban hành theo Quyết định số 19/2021/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị), Hội đồng quản trị giao một thành viên HĐQT là Người phụ trách kiểm toán nội bộ (Quyết định số 82/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 30/5/2023 của HĐQT) và đã thôi nhiệm vụ kiêm nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ theo nguyện vọng cá nhân theo quyết định số 78/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 04/7/2024 của HĐQT. Hiện nay, Ban Kiểm soát trực tiếp tham gia một số Tổ kiểm tra, giám sát chuyên đề và thường xuyên phối hợp tham gia cùng với các Ban nghiệp vụ, tổ kiểm tra của Tổng công ty thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động Tổng công ty và đối với các đơn vị trong toàn Tổng công ty.

6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

7. Về các giao dịch với các bên liên quan đã được Tổng công ty báo cáo trong Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2025 và công bố thông tin theo quy định. Trong đó, báo cáo không có phát sinh về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

8. Thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản

trị được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính của Tổng công ty được kiểm toán trình ĐHĐCĐ. Chi tiết tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2025 được báo cáo tại Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

1. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Tổng công ty tiếp tục theo sát và triển khai nghiêm túc các chủ trương của Chính phủ và Bộ Tài chính, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế cả nước năm 2025 đạt 8,3-8,5%, tạo nền tảng cho năm 2026; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030.

Bám sát định hướng tăng trưởng “hai con số” của Chính phủ; dự báo tình hình thị trường và năng lực nội tại, Tổng công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và đã được Bộ Tài chính thống nhất thông qua tại Quyết định số 190/QĐ-BTC ngày 30/01/2026, cụ thể như sau:

* Hợp nhất - Tổng công ty Lương thực miền Nam

- Tổng sản lượng: 1.525.600 tấn

- Tổng doanh thu: 16.020.000 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 71.550 triệu đồng

* Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam

- Tổng doanh thu: 9.150.000 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 7.000 triệu đồng

- Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026: 92.530 triệu đồng

2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

- *Một là*, tiếp tục phát huy mô hình quản trị tập trung về tài chính, kinh doanh, đầu tư và quản lý, khai thác tài sản để sử dụng hiệu quả nguồn lực toàn Tổng công ty. Tiếp tục sắp xếp bên ngoài, bên trong tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên và các đơn vị hoạt động phù hợp với mô hình tổ chức mới của Tổng công ty, giải quyết và thực hiện chế độ chính sách cho người lao động khi thực hiện luân chuyển, phân công nhiệm vụ mới, đảm bảo Tổng công ty hoạt động có hiệu quả, tiết kiệm tối đa chi phí quản lý.

- *Hai là*, nâng cao năng lực dự báo, cập nhật kịp thời chính sách của các thị trường xuất nhập khẩu gạo lớn; giữ vững khách hàng truyền thống và mở rộng thị

trường, đặc biệt là thị trường ngách; tăng cường quản lý sản xuất và chất lượng, hợp lý hóa quy trình, kiểm soát chặt chẽ chi phí, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh; ưu tiên phát triển các dòng gạo thơm, gạo chất lượng cao như DT8, KDM, Jasmine, sản phẩm hữu cơ. Song song đó, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chế biến sau gạo theo hướng chất lượng cao, xanh, sạch, khác biệt; tăng cường truyền thông, marketing, đặc biệt là marketing số, nhằm quảng bá thương hiệu VINAFOOD II, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- *Ba là*, tiếp tục quan hệ tín dụng với các ngân hàng, bảo đảm kịp thời nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; đảm bảo duy trì hạn mức tín dụng được các ngân hàng cấp hiện nay; tăng cường công tác quản trị tài chính theo hướng chủ động, hiệu quả, tập trung kiểm soát và tiết giảm chi phí tài chính thông qua việc nâng cao vòng quay vốn, sử dụng hiệu quả nguồn vốn; thường xuyên cân đối dòng tiền, xây dựng kế hoạch trả nợ hợp lý; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn và tài sản tại các đơn vị phụ thuộc nhằm bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

- *Bốn là*, tiếp tục rà soát, sắp xếp và hoàn thiện tổ chức bộ máy tại các đơn vị phụ thuộc theo đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, bảo đảm bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản trị và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới. Đồng thời, xây dựng và triển khai cơ chế tiền lương, chính sách đãi ngộ và chính sách bán hàng gắn chặt với hiệu quả công việc và năng suất lao động, tạo động lực làm việc, thu hút và giữ chân nguồn nhân lực có năng lực, phát huy tối đa trình độ chuyên môn của cán bộ, người lao động, qua đó nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

- *Năm là*, tiếp tục đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị, ưu tiên các hạng mục cấp thiết nhằm hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại (4 xát trắng, 4 lau bóng, 2 tách màu, 2 lau bóng sau tách màu, đóng gói...) đáp ứng yêu cầu sản xuất gạo thơm, gạo chất lượng cao; giúp giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Song song đó, thực hiện rà soát, điều chỉnh hợp lý hệ thống máy móc thiết bị, đặc biệt tại các đơn vị sau sắp xếp, hợp nhất, sang các đơn vị có nhu cầu sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả khai thác và tối ưu hóa nguồn lực hiện có. Đồng thời, tập trung đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm chế biến sau gạo như bánh tráng, bún, phở và nước khoáng chất lượng cao; kết hợp đầu tư, chuyển đổi công năng kho tàng và thiết bị tại các vùng nguyên liệu đặc thù để tận dụng lợi thế vùng, phát triển các sản phẩm chế biến và sản phẩm giá trị gia tăng, qua đó, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

- *Sáu là*, đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh lý tài sản không cần dùng theo đúng quy định; đồng thời tiếp tục rà soát để đánh giá lại các tài sản không cần dùng, đủ điều kiện thanh lý để tiếp tục trình xin phê duyệt chủ trương thực hiện nhằm có

nguồn thu bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tái đầu tư.

- *Bảy là*, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh; nâng cấp hệ thống phần mềm cân định lượng, giám sát nguyên liệu đầu vào, thành phẩm và phụ phẩm nhằm kiểm soát tỷ lệ thu hồi và nâng cao hiệu quả chế biến; khai thác hệ thống camera trong kiểm tra, giám sát nhập - xuất hàng hóa và quản lý kho, qua đó nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro; triển khai các phần mềm quản lý, chăm sóc khách hàng cho các sản phẩm ngoài gạo như nước khoáng, bột mì và dịch vụ Cảng để quản lý đồng bộ, giám sát tác thủ công, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao năng suất, hiệu suất công việc; hoàn thiện hệ thống phần mềm kế toán Effect nhằm đồng bộ dữ liệu tài chính từ các đơn vị trực thuộc phục vụ công tác hợp nhất và quản lý tài chính hiệu quả.

- *Tám là*, rà soát từng khoản mục chi phí trong toàn bộ hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh và quản lý nhằm đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh; phát huy vai trò của Tổ tư vấn công tác sản xuất, chế biến lúa gạo trong việc đề xuất các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm nâng cao tỷ lệ thu hồi thành phẩm, kiểm soát chi phí sản xuất hợp lý, giảm giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh mặt hàng gạo; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ quy trình thu mua và sản xuất, đặt mục tiêu cải thiện tỷ lệ thu hồi thành phẩm tối thiểu 1% và nâng tổng tỷ lệ thu hồi thêm 0,1% (kể cả phụ phẩm).

- *Chín là*, phân đầu hoàn thành bàn giao quyết toán vốn nhà nước sang công ty cổ phần sau khi quyết toán vốn nhà nước được phê duyệt.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Hưng
Nguyễn Huy Hưng



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số. 02 /BC- LTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và
kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Ban Kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về kết quả sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc trong năm 2025 với các nội dung sau:

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. Tổng quan thị trường

1. Tình hình gạo thế giới

- Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2025-2026 đạt mức 541,2 triệu tấn, không thay đổi nhiều so với niên vụ trước. Trong đó, Ấn Độ đạt sản lượng 152 triệu tấn (năm thứ 10 liên tiếp đạt kỷ lục) và vượt qua Trung Quốc trở thành nước sản xuất gạo lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, tiêu thụ gạo toàn cầu tăng tới 11,8 triệu tấn, lên mức kỷ lục 542 triệu tấn. Thương mại gạo toàn cầu năm 2025 đạt mức cao kỷ lục 62,8 triệu tấn, tăng 3,1 triệu tấn so với 2024 chủ yếu tăng từ Trung Quốc và Ai Cập sang các thị trường Châu Phi bao gồm Bờ Biển Ngà, Guinea-Bissau và Libya. Tồn kho toàn cầu đạt 190,3 triệu tấn, trong đó chủ yếu là Trung Quốc (chiếm 55%) và Ấn Độ (chiếm 25%).

- Các nước xuất khẩu gạo chính: Trong năm 2025, Ấn Độ đã dỡ bỏ hoàn toàn các hạn chế xuất khẩu gạo đã thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động xuất khẩu gạo của nước này và tạo áp lực giảm giá đối với thị trường gạo thế giới và các nước xuất khẩu gạo hàng đầu như Việt Nam và Thái Lan, đẩy giá gạo Châu Á xuống mức thấp nhất trong gần một thập kỷ (*Phụ lục 01*). Xuất khẩu gạo của Ấn Độ năm 2025 đạt 21,55 triệu tấn, tăng 19,4% so với năm 2024; Việt Nam xuất khẩu gạo năm 2025 đạt 8,06 triệu tấn; Thái Lan xuất khẩu gần 8 triệu tấn.

- Về nhập khẩu: Theo cục Công nghiệp và bảo vệ thực vật Philippines (BPI), năm 2025 Philippines nhập khẩu 3,37 triệu tấn gạo giảm khoảng 30% so với mức 4,8 triệu tấn của năm 2024, do lệnh cấm nhập khẩu từ tháng 09/2025. Việt Nam vẫn là nhà cung cấp gạo hàng đầu cho Philippines trong năm 2025 với thị phần chiếm 81%. Nhập khẩu gạo của Trung Quốc trong năm 2025 tăng mạnh trở lại với số lượng khoảng 3 triệu tấn, trong đó Myanmar chiếm 32,8% thị phần, Việt Nam chiếm 24,2%, Thái Lan chiếm 22,4%. Nhập khẩu gạo của Indonesia giảm mạnh so với năm 2024, Cơ quan lương thực quốc gia Indonesia (Bapanas) cho biết lượng gạo tồn kho đầu năm 2026 là 12,5 triệu tấn, sản lượng gạo dự báo đạt 37,4 triệu tấn, lượng tiêu thụ trong nước ước tính 31,2 triệu tấn, như vậy Indonesia dư thừa khả năng tự cung ứng gạo trong nước và sẽ không nhập khẩu các mặt hàng gạo trong năm 2026.

2. Tình hình trong nước

Theo Cục Thống kê, diện tích lúa cả năm 2025 đạt 7,13 triệu ha, giảm 1,1 nghìn ha so với năm 2024. Tuy diện tích giảm nhẹ nhưng năng suất lúa ước đạt 61,1 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha so với năm 2024; sản lượng lúa đạt 43,3 triệu tấn cao nhất trong 04 năm qua. Về cơ cấu giống: sản lượng sản xuất tập trung cho các giống lúa năng suất cao và phục vụ xuất khẩu, trong đó chủ yếu là giống DT8, OM18 và OM5451.

Theo số liệu từ Cục Hải quan, Việt Nam đã xuất khẩu tổng cộng 8,06 triệu tấn gạo trong năm 2025, thu về 4,1 tỷ USD, giảm 10,8% về lượng và giảm đến 27,6% về kim ngạch so với năm 2024. Đây cũng là khối lượng và kim ngạch xuất khẩu thấp nhất trong 03 năm qua. Nguyên nhân chủ yếu do giá gạo toàn cầu năm 2025 giảm và nhu cầu suy yếu tại các nước tiêu thụ gạo hàng đầu của Việt Nam là Philippines và Indonesia.

Kết thúc năm 2025, Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam chiếm 39,8% về lượng và 38,3% về giá trị xuất khẩu tương ứng đạt 3,2 triệu tấn và 1,57 tỷ USD. Tuy nhiên so với năm 2024, xuất khẩu sang thị trường này giảm mạnh 24% về lượng và 39,8%. Bên cạnh đó xuất khẩu sang 02 thị trường Indonesia và Malaysia cũng giảm mạnh, lần lượt giảm 28,4% và 96,2%, chỉ đạt 515 ngàn tấn và 47,3 ngàn tấn. Đáng chú ý, một số thị trường ghi nhận mức tăng lớn như Bangladesh tăng hơn 203 lần đạt 105 ngàn tấn, Senegal tăng 67 lần đạt 168 ngàn tấn.

Diễn biến giá gạo: Giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam năm 2025 đạt 509 USD/tấn, giảm 18,8% (tương đương 118 USD/tấn) so với năm 2024 và thấp hơn 11,5% so với năm 2023. Giá lúa thường tại ruộng và tại kho tính đến cuối năm 2025 là 5.350 đồng/kg và 6.517 đồng/kg giảm tương ứng 42,2% và 38,3% so với cùng kỳ năm 2024.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính năm 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty mẹ

1.1. Kết quả kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng		Tỷ lệ so 2024
		Năm 2024	Năm 2025	
1	Tổng doanh thu	11.475.268.385.628	10.461.046.448.738	-9%
	- Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	11.300.673.095.465	10.358.757.596.107	-8%
	- Doanh thu tài chính	149.268.954.589	95.759.821.336	-36%
	- Thu nhập khác	25.326.335.574	6.529.031.295	-74%

Stt	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng		Tỷ lệ so 2024
		Năm 2024	Năm 2025	
2	Tổng chi phí	11.470.965.251.337	10.455.529.414.961	-9%
	- Giá vốn hàng hàng	10.635.243.246.782	9.525.522.612.909	-10%
	- Chi phí tài chính	184.588.182.077	160.432.987.901	-13%
	- Chi phí bán hàng	420.715.988.449	498.674.454.196	19%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	222.299.612.339	265.864.710.995	20%
	- Chi phí khác	8.118.221.690	5.034.648.960	-38%
3	Lợi nhuận trước thuế	4.303.134.291	5.517.033.777	28%

1.2. Sản lượng thực hiện

Stt	Diễn giải	Đvt	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% TH 2025 so với KH
1	Tổng sản lượng Công ty mẹ	Tấn	746.000	780.623	104,64
2	Kim ngạch xuất khẩu	1000USD		193.711	
3	Doanh thu	Tỷ đồng	10.300,000	10.461,046	101,56
4	Lợi nhuận	Tỷ đồng	5,000	5,517	110,34
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	Theo QĐ	52,753	

1.3. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Đánh giá về hiệu quả hoạt động		
ROE (L/N sau thuế/ VCSH)	0,0003	0,0006
ROS (Tỷ suất LN/D.thu)	0,038%	0,053%
Doanh thu thuần (đồng)	11.300.673.095.465	10.358.757.596.107
% thay đổi doanh thu	(0,099)	(0,083)
Tỷ lệ giá vốn (%)	94,112	91,956
Tỷ lệ lợi nhuận gộp (%)	5,888	6,424
Tỷ lệ chi phí bán hàng quản lý (%)	5,690	7,381
Chỉ số về hiệu quả quản lý tài sản		
ATO (Tỷ lệ tài sản / Doanh thu)	0,397	0,537
Tổng tài sản (đồng)	4.491.482.332.371	5.560.061.952.284
Tài sản cố định (đồng)	1.514.594.654.988	1.437.530.247.796
Vốn lưu động ròng (đồng)	180.270.082.440	264.239.894.574
Tình trạng chiếm dụng vốn	(582.198.128.088)	(561.636.802.549)
Số ngày các khoản phải thu	13,19	13,41
Số ngày hàng tồn kho	28,94	34,80
Số ngày các khoản phải trả	3,20	2,62
Chu kỳ kinh doanh	42,13	48,20
Chỉ số về thanh toán và hiệu quả quản lý nợ		
ALEV (Tổng TS/ VCSH)	1,734	2,142
Chỉ tiêu thanh toán hiện thời	1,146	1,119
Chỉ tiêu thanh toán nhanh	0,097	0,472
Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn	2,362	1,876

W

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ đòn bẩy(Tổng nợ/Tổng tài sản)	0,423	0,533
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,577	0,467
Tỷ lệ Vay ngắn hạn/Tổng tài sản	0,204	0,355
Tỷ lệ vay dài hạn/Tổng tài sản	0,000	0,000
(Vay dài hạn + Vốn CSH)/ TSCĐ	1,711	1,806

1.4. Đánh giá kết quả thực hiện

Năm 2025, thực hiện Nghị quyết số 01/2025/VSF-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Quyết định số 3115/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 05/9/2025 về giao bổ sung chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025; đồng thời phấn đấu thực hiện mục tiêu tăng trưởng theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025, Tổng công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trong sản xuất, tài chính và thị trường, đạt được những kết quả năm 2025 như sau:

- **Tổng sản lượng:** Thực hiện năm 2025 của Công ty mẹ 780.623 tấn đạt 105% so kế hoạch. Sản lượng các ngành hàng ngoài gạo như lúa mì, xăng dầu, xe honda và thực phẩm chế biến ước thực hiện năm 2025 đều đạt và vượt so với kế hoạch năm.

- **Về kim ngạch xuất khẩu:** Thực hiện năm 2025 của Công ty mẹ 193,711 triệu USD.

- **Về doanh thu:** Thực hiện năm 2025 của Công ty mẹ 10.461,046 tỷ đồng đạt 102% so kế hoạch.

- **Về lợi nhuận trước thuế:** Thực hiện năm 2025 của Công ty mẹ lãi 5,517 tỷ đồng đạt 110% so kế hoạch.

- **Nộp ngân sách:** Thực hiện năm 2025 của Công ty mẹ đạt 52,753 tỷ đồng.

Như vậy, năm 2026 Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch 2025 do ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 giao, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt so với kế hoạch. Vốn chủ sở hữu năm 2025 được bảo toàn.

2. Đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty với người quản lý và người có liên quan

Theo quy định hiện hành về việc công bố thông tin tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, các giao dịch giữa Tổng công ty và người có liên quan của Tổng công ty, giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ đã được HĐQT thống kê và báo cáo đầy đủ trên Báo cáo tình hình quản trị năm 2025.

Ngày 26/03/2025, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-LTMN-HĐQT về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với công ty con, theo đó giao Ban Tổng giám đốc quyết định thực hiện đối với hợp đồng mua bán, dịch vụ, gia công, hợp tác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất.

III. Đánh giá chung

1. Những việc đã làm được

Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ tạo điều kiện kịp thời từ Chủ sở hữu, Cổ đông, cùng với sự đoàn kết thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Tổng công ty đã thực hiện được một số công việc trọng tâm như sau:

(1) Về công tác tổ chức, nhân sự

- Thực hiện rà soát, quy hoạch, kiện toàn bộ máy tổ chức nhân sự từ lãnh đạo cấp cao đến lãnh đạo các ban nghiệp vụ chuyên môn và các đơn vị phụ thuộc, sắp xếp tinh gọn bộ máy, điều động và tuyển dụng thêm các chức danh còn khuyết, tăng cường đào tạo đội ngũ làm công tác kinh doanh, phát triển thị trường nâng cao năng suất lao động, phát huy tối đa nguồn lực về con người mang lại hiệu quả cho Tổng công ty.

- Kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị phụ thuộc bảo đảm tính ổn định, năng lực chuyên môn và hiệu quả quản trị.

- Cử, cử lại người đại diện của Tổng công ty và kiện toàn chức danh quản lý tại các doanh nghiệp có vốn góp bảo đảm kịp thời, theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với quy chế quản lý của Tổng công ty.

- Hoàn thành công tác quy hoạch Người đại diện vốn nhà nước giữ các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031.

- Hoàn thành đánh giá, xếp loại người quản lý, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty năm 2024; rà soát, bổ sung quy hoạch Người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý tại Tổng công ty giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 báo cáo Bộ Tài chính.

- Ban hành các quyết định thành lập Hội đồng, Ban, Tổ công tác của Tổng công ty; phê duyệt phương án sắp xếp tổ chức bộ máy điều hành, quản lý tại các đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty.

(2) Về công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng công ty đã bám sát và triển khai nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng các nghị quyết, chỉ thị của Chính phủ và Bộ Tài chính, trọng tâm Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế cả nước năm 2025 đạt 8,3-8,5%; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, đồng thời đưa ra các giải pháp tăng cường tìm kiếm thị trường, khách hàng để phấn đấu đạt được tăng trưởng 10%, các giải pháp như sau:

- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng phân kỳ và thường xuyên chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Các đơn vị tập trung tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và năng suất lao động; chủ động mở rộng thị trường, duy trì và phát triển khách hàng truyền thống, tăng sản lượng mua vào phục vụ chế biến, qua đó góp phần tiêu thụ lúa gạo cho nông dân.

- Công tác dự báo, theo dõi diễn biến thị trường và cập nhật chính sách xuất nhập khẩu được thực hiện thường xuyên; đồng thời mở rộng thị trường và thị trường ngách nhằm giảm phụ thuộc vào thị trường truyền thống, nâng cao tính chủ động trong hoạt động mua bán.

- Hoạt động bán hàng được triển khai chủ động, giao dịch kịp thời, đảm bảo tiến độ thanh toán và thực hiện đúng các cam kết hợp đồng, góp phần tăng doanh thu và dòng tiền.

- Tăng cường công tác quản lý và tối ưu quy trình sản xuất, chế biến, lưu kho; triển

W

khai quyết liệt các giải pháp tiết giảm chi phí, đặc biệt là kiểm soát chặt chẽ quy trình thu mua và sản xuất. Đặt mục tiêu cải thiện tỷ lệ thu hồi thành phẩm tối thiểu 1% và nâng tổng tỷ lệ thu hồi thêm 0,1% (kể cả phụ phẩm), góp phần giảm giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Kết quả năm 2025, tỷ lệ thu hồi thành phẩm tăng 1,01%, tổng thu hồi tăng 0,21% so với cùng kỳ năm 2024.

(3) Về công tác tài chính:

Sau cổ phần hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty gặp rất nhiều khó khăn trong thời gian dài, đồng thời còn tồn tại nhiều vấn đề chưa được xử lý như: có nhiều tài sản, máy móc cũ kỹ, công nghệ lạc hậu, hư hỏng không cần dùng, chờ thanh lý; các khoản công nợ tồn đọng khó đòi, thiếu hụt hàng tồn kho..., dẫn đến Tổng công ty thiếu vốn lưu động, phụ thuộc nhiều vào vốn vay tín dụng. Trong bối cảnh khó khăn một số ngân hàng thương mại đã cắt, giảm hạn mức tín dụng, hạn chế cho vay làm ảnh hưởng lớn đến nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Để khắc phục khó khăn, Tổng công ty đã nỗ lực, duy trì và phát triển quan hệ tín dụng với các ngân hàng nhằm tăng hạn mức tín dụng, đảm bảo nhu cầu nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (hạn mức tín dụng năm 2021 là: 2.770 tỷ đồng, năm 2022 là 3.170 tỷ đồng; năm 2023 là 4.820 tỷ đồng; năm 2024 là 6.470 tỷ đồng, năm 2025 là 6.970 tỷ đồng).

Bên cạnh việc tận dụng nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Tổng công ty đã triển khai quyết liệt, tăng cường công tác quản lý thu hồi công nợ phải thu, nợ khó đòi, tích cực bám sát các cơ quan thi hành án để đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh lý tài sản kê biên của vụ án đúng theo quy định, thực hiện rà soát, củng cố hồ sơ, lập thủ tục khởi kiện đối với các trường hợp đủ điều kiện nhằm đảm bảo quyền lợi cho Tổng công ty (từ năm 2021 đến nay Tổng công ty đã thu hồi được 38,723 tỷ đồng từ các khoản công nợ tồn đọng, nợ khó đòi).

Đồng thời, Tổng công ty liên tục rà soát các tài sản hư hỏng, không có nhu cầu sử dụng để đẩy nhanh việc thanh lý nhằm thu hồi vốn, tập trung nguồn lực phục vụ cho sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả (từ năm 2021 đến nay đã thanh lý tài sản thu hồi được 18,936 tỷ đồng).

(4) Công tác rà soát, chuyển đổi pháp nhân các cơ sở nhà đất

Hiện nay, Tổng công ty đang quản lý 349 cơ sở nhà đất tại Công ty mẹ, các Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Công ty Mẹ hiện đang quản lý và sử dụng 131 cơ sở nhà đất, trong đó:

+ 102/131 cơ sở nhà đất đã được Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt giữ lại tiếp tục sử dụng, Tổng công ty đã hoàn thành việc cập nhật biên động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần, đã ký hợp đồng thuê đất và được chấp thuận của UBND các tỉnh cho chuyển sang tên Tổng công ty là 90/102 cơ sở đạt 88,23% tiến độ các cơ sở đã được phê duyệt.

+ 18/131 cơ sở nhà đất chưa hoàn thiện phương án sắp xếp: thực hiện Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty không tiếp tục thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất mà thực hiện quản lý sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

+ 07/131 cơ sở nhà đất tại khu công nghiệp đã hoàn thành việc chuyển sang tên

Tổng công ty.

+ 04/131 cơ sở nhà đất được phê duyệt phương án bàn giao cho địa phương, Tổng công ty đã hoàn thành việc thanh lý tài sản và đang phối hợp với địa phương để bàn giao theo đúng quy định.

- Các Công ty cổ phần chi phối hiện đang quản lý sử dụng 147 cơ sở nhà đất. Tổng công ty đã có văn bản chỉ đạo, phối hợp với Tổ đại diện vốn, Ban điều hành tại Công ty con để đi kiểm tra hiện trạng, lập phương án sắp xếp theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP về sắp xếp các cơ sở nhà đất.

- Các Công ty cổ phần không chi phối đang quản lý và sử dụng 71 cơ sở nhà đất.

(5) Công tác cơ cấu lại doanh nghiệp và thoái vốn

- Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lương thực miền Nam giai đoạn năm 2021-2025 đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu (trước đây là Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp) có ý kiến về các nội dung chính tại văn bản số 2902/UBQLV-NN ngày 29/12/2023 và được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-VSF-ĐHĐCĐ ngày 28/2/2024.

Tổng công ty thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp từ phân tán sang “mô hình quản trị tập trung” như tập trung về kinh doanh, dòng tiền, tài chính, đầu tư, sản xuất và tăng cường công tác quản lý khai thác tài sản. Theo đó, hoạt động kinh doanh được tập trung về một đầu mối để quản trị, điều hành. Nhờ vậy, Tổng công ty đã có thể quản lý chặt chẽ, kịp thời mọi hoạt động, quản trị tốt dòng tiền, đầu tư kịp thời các hạng mục cấp thiết, khai thác tối đa lợi thế vùng, phát huy nguồn lực toàn Tổng công ty và tăng hiệu quả đáng kể trong mọi hoạt động.

- Công tác tái cơ cấu các công ty chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Trước năm 2022, Tổng công ty chỉ có 02/14 chi nhánh hoạt động có hiệu quả; từ năm 2022 sau khi thay đổi mô hình quản trị, tập trung tái cơ cấu các đơn vị phụ thuộc, phát huy lợi thế vùng miền của từng đơn vị, kết quả 14/14 chi nhánh đều hoạt động có hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và địa giới hành chính mới để phát huy tốt hơn năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, khai thác tối đa tài sản và tối ưu chi phí quản lý, hướng đến mục tiêu hoạt động hiệu quả hơn, giúp doanh nghiệp ổn định và phát triển bền vững. Từ tháng 9/2025, Tổng công ty đã hoàn thành công tác rà soát, sắp xếp và hợp nhất công tác điều hành của 06 đơn vị phụ thuộc hoạt động chưa hiệu quả gồm Lương thực Bến Tre, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, NSTP Tiền Giang, NSTP Trà Vinh vào các đơn vị hoạt động hiệu quả hơn là Lương thực Tiền Giang, Lương thực Sông Hậu và Lương thực Trà Vinh để tập trung quản lý và phát huy tối đa nguồn lực hiện có. Đồng thời, Tổng công ty đã thực hiện tinh gọn bộ máy quản lý tại các đơn vị nói trên và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc khác, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản trị, hiệu quả hoạt động và định hướng phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới. Đến nay, Tổng công ty chỉ còn 08 chi nhánh là những đơn vị cốt lõi hoạt động ngành nghề chính là lương thực và các ngành ngoài gạo đều hoạt động có hiệu quả.

Thông qua công tác tái cơ cấu, Tổng công ty đã tinh giản bộ máy quản lý, giảm cấp trung gian không cần thiết; bố trí, điều chuyển lao động theo hướng hợp lý, tinh gọn

và hiệu quả; phân cấp, phân quyền cho các đơn vị quản lý nhằm phát huy tối đa tính chủ động, năng lực quản trị trong tổ chức sản xuất kinh doanh.

Sau khi sắp xếp, đã điều chuyển 06 người quản lý, giải quyết 127 người lao động dôi dư sau khi phương án được phê duyệt, đồng thời bộ máy vận hành tinh gọn, chi phí quản lý giảm.

- Công tác tái cơ cấu các công ty có vốn góp của Tổng công ty

Trước năm 2022, Tổng công ty có 23 công ty có vốn góp, trong đó chỉ có 05/23 công ty hoạt động có hiệu quả, chia cổ tức hàng năm. Từ năm 2022, sau khi thực hiện việc thay đổi người đại diện để ứng cử các chức danh người quản lý tại các công ty cổ phần, người đại diện có ý kiến với Hội đồng quản trị công ty trong việc tái cơ cấu lại hoạt động sản xuất, kinh doanh, tập trung chỉ đạo công tác thu hồi công nợ, thanh lý tài sản không cần dùng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị và tài sản. Đến nay, 08/11 công ty cổ phần chi phối hoạt động có hiệu quả, còn lại 03/11 công ty đang tiếp tục tái cơ cấu. Riêng 11 công ty liên kết, đến nay có 04/11 công ty hoạt động có hiệu quả; các công ty còn lại, Tổng công ty gặp khó khăn trong việc tái cơ cấu do tỷ lệ vốn thấp.

(6) Các công tác khác

- Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

Tổng công ty đã thành lập Ban chỉ đạo an toàn thực phẩm số 44/QĐ-LTMN-HĐQT, Tổ kiểm tra an toàn thực phẩm số 45/QĐ-LTMN-HĐQT; Ban chỉ đạo đã hợp triển khai và chỉ đạo Tổ kiểm tra tổ chức kiểm tra công tác an toàn thực phẩm tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty con nhằm nâng cao công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm xuyên suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ; đồng thời tổ chức rà soát, kiểm soát nghiêm ngặt nguyên liệu đầu vào và toàn bộ quy trình sản xuất, nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 02/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng công ty đã ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa cho vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao với các hợp tác xã với tổng diện tích 2.010 ha tại các tỉnh Long An 500 ha, Tiền Giang 250 ha, Bến Tre 300 ha, Đồng Tháp 960 ha (LT Đồng Tháp đã ký hợp đồng với diện tích 100 ha, LT An Giang với diện tích 100 ha).

2. Những việc chưa làm được

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị nhìn chung đã dần đi vào ổn định; đa số các đơn vị phụ thuộc đều có kết quả tích cực và đảm bảo hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao. Đồng thời, một số công ty cổ phần chi phối đang trong quá trình tái cơ cấu nên kết quả kinh doanh chưa ổn định, phát sinh lỗ, qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận hợp nhất của Tổng công ty.

- Chưa thực hiện đúng tiến độ Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2026 đã được ĐHĐCĐ bất thường thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-VSF-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2024.

- Do ảnh hưởng của việc sáp nhập các tỉnh, việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý và xử lý các tồn tại vướng mắc về các cơ sở nhà đất thực hiện chưa đạt so kế hoạch đề ra.

- Kết quả thu hồi nợ có tiến triển nhưng vẫn còn chậm và chỉ thu hồi được một phần nhỏ trong các khoản nợ tồn đọng.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quản lý điều hành:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của Tổng công ty đã tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định liên quan của Pháp luật.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, ban hành các Nghị quyết, quyết định và thảo luận các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, với tinh thần trách nhiệm cao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đều có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, có đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết.

Ban hành các quy chế quy định nội bộ: Tại thời điểm báo cáo Ban kiểm soát ghi nhận các Quy chế, quy định trong điều hành đang trong giai đoạn xây dựng, sửa đổi, bổ sung.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty

Các tài liệu, tờ trình Hội đồng quản trị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Được Ban điều hành cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong quý, năm và các thông tin tài liệu khác khi có yêu cầu.

Ban kiểm soát được mời tham gia kết hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành làm việc, kiểm tra hoạt động của một số đơn vị trực thuộc, công ty con.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát trên tinh thần hỗ trợ hợp tác đã phối hợp kịp thời trong những trường hợp cần thiết để hoạt động Tổng công ty vừa được tiến hành đúng quy định của pháp luật vừa đáp ứng được yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

C. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã thực hiện và tuân thủ đúng Điều lệ của Tổng công ty và quy định của pháp luật. Từng bước ổn định về mặt cơ cấu tổ chức, nhân sự để đưa Tổng công ty đi vào hoạt động ổn định. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã có lãi, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Tổng công ty công bố thông tin đúng thời hạn quy định về công bố thông tin của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán.

- Ban kiểm soát thống nhất với kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2025.

2. Kiến nghị:

- Tổng công ty quyết liệt đẩy nhanh tiến độ hoàn tất các thủ tục pháp lý các cơ sở nhà đất; rà soát các cơ sở nhà đất còn để trống để đưa vào sản xuất, kinh doanh hoặc khai thác hiệu quả, đúng mục đích, tránh lãng phí.

- Đối với các khoản công nợ khó đòi: Kiến nghị Tổng công ty không để phát sinh các khoản công nợ khó đòi mới, đồng thời tiếp tục theo dõi tiến độ giải quyết các vụ án đã khởi kiện, phối hợp với Tòa án trong xét xử, liên hệ với cơ quan thi hành án, bám sát việc thẩm định giá, đấu giá tài sản đối với các tài sản kê biên nhằm thu hồi tối đa các khoản công nợ tồn đọng.

Trên đây là Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2025, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tuấn Vinh

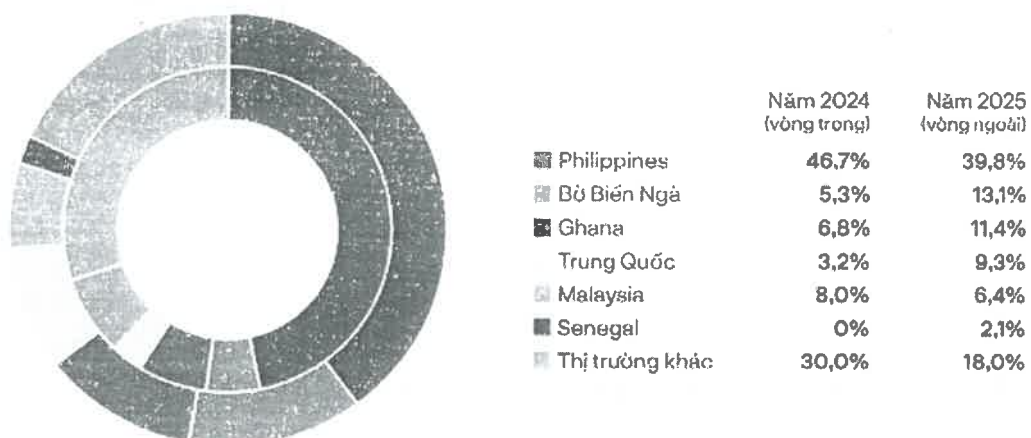
Phụ lục 01: Diễn biến giá gạo thế giới năm 2025

(nguồn: FAO và Reuter)

Nước sản xuất	Loại gạo	Tháng 12/2025 (USD/tấn)	Số với tháng 11/2025 (%)	Số với cuối quý III/2025 (%)	Số với cùng kỳ năm 2024 (%)	Năm 2025 (USD/tấn)	Số với năm 2024 (%)
Ấn Độ	Basmati	925	▲ 0,0	▲ 0,0	▼ 11,9	908	▼ 29,8
	Trắng 25% tấm	333	▲ 0,8	▼ 7,0	▼ 22,1	360	▼ 19,4
	Trắng 5% tấm	348	▲ 1,0	▼ 7,2	▼ 21,8	376	▼ 18,2
	Gạo đỏ 5% tấm	355	▲ 1,4	▲ 0,6	▼ 19,2	380	▼ 26,0
Pakistan	Basmati	985	▼ 4,7	▼ 9,5	▲ 2,2	1.018	▲ 8,5
	Trắng 25% tấm	330	▲ 3,6	▼ 2,9	▼ 17,9	349	▼ 30,0
	Trắng 5% tấm	355	▲ 4,3	▼ 2,1	▼ 21,2	378	▼ 31,4
Thái Lan	Trắng 100% tấm	440	▲ 14,6	▲ 13,0	▼ 18,8	423	▼ 29,9
	Trắng 25% tấm	414	▲ 14,5	▲ 13,0	▼ 17,2	396	▼ 29,2
	A1 Super	381	▲ 12,2	▲ 11,7	▼ 7,5	358	▼ 22,3
	Hom Mali	1.171	▲ 11,0	▲ 3,4	▲ 22,5	1.072	▲ 11,6
	Nếp 10% tấm	921	▲ 23,2	▲ 13,7	▲ 9,2	795	▼ 3,4
	Đỏ 100%	438	▲ 14,0	▲ 11,0	▼ 18,3	426	▼ 28,4
Việt Nam	Nếp 10% tấm	542	▲ 5,7	▲ 7,0	▼ 10,3	553	▼ 6,5
	Trắng 25% tấm	339	▼ 0,5	▼ 3,7	▼ 25,0	359	▼ 31,4
	Trắng 5% tấm	361	▲ 0,1	▼ 2,9	▼ 25,6	383	▼ 30,8
	Thơm 5% tấm	431	▲ 2,7	▼ 3,3	▼ 31,6	468	▼ 25,3
Campuchia	Thơm 5% tấm	820	▲ 2,5	▼ 11,3	▼ 8,4	895	▼ 4,1
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	893	▲ 4,7	▲ 11,7	▲ 15,2	809	▼ 11,0
	Calrose 4% tấm	561	▼ 1,8	▼ 6,9	▼ 23,2	640	▼ 16,1
Argentina	Trắng 5% tấm	437	▲ 3,3	▼ 10,4	▼ 38,0	529	▼ 30,9
Brazil	Trắng 5% tấm	453	▼ 2,6	▼ 10,2	▼ 33,8	540	▼ 32,3
Uruguay	Trắng 5% tấm	467	▼ 0,9	▼ 6,8	▼ 34,1	543	▼ 30,9

Phụ lục 02a: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam năm 2024 và 2025

(nguồn: Cục Hải quan Việt Nam)



Phụ lục 02b: Sản lượng và giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2025

Thị trường xuất khẩu	Tháng 12/2025		So với tháng 11/2025 (%)		So với tháng 12/2024 (%)		Năm 2025		So với năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Giá (%)	Lượng (%)	Giá (%)	Lượng (tấn)	Giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Giá (%)
Tổng	522.387	248.770	▲ 39,6	▲ 30,8	▼ 10,4	▼ 31,7	8.062.838	4.103.645	▼ 10,8	▼ 27,6
Philippines	198.455	91.050	▲ 357,7	▲ 272,9	▼ 8,9	▼ 33,9	3.206.575	1.572.217	▼ 24,0	▼ 39,8
Bồ Đào Nha	68.366	27.406	▼ 4,4	▼ 7,7	▲ 51,5	▲ 7,4	1.055.303	478.259	▲ 118,5	▲ 67,5
Ghana	44.824	23.106	▲ 15,2	▲ 6,9	▲ 13,5	▼ 17,9	919.214	513.939	▲ 50,0	▲ 21,3
Trung Quốc	60.295	26.996	▲ 5,8	▼ 1,3	▲ 128,0	▲ 69,8	747.327	373.816	▲ 162,0	▲ 122,7
Malaysia	46.207	20.117	▼ 19,8	▼ 18,3	▲ 136,9	▲ 73,1	515.097	239.864	▼ 28,4	▼ 43,7
Senegal	1.411	624	▲ 64,1	▲ 103,5	▲ 464,4	▲ 239,5	168.020	52.569	▲ 6.618	▲ 2.865
Singapore	5.693	3.351	▼ 2,7	▼ 3,3	▼ 57,2	▼ 63,7	145.997	83.936	▼ 7,6	▼ 19,5
Mozambique	8.901	4.847	▲ 36,1	▲ 38,7	▲ 43,6	▲ 9,1	106.777	59.121	▲ 16,6	▼ 6,7
Bangladesh	42	31	▼ 61,8	▼ 52,8	▼ 46,8	▼ 47,1	105.175	50.058	▲ 20.204	▲ 12.403
UAE	7.787	4.711	▲ 2,9	▲ 0,4	▲ 42,3	▲ 20,9	69.233	43.909	▲ 24,0	▲ 9,3
Hong Kong	6.104	3.484	▲ 45,6	▲ 40,4	▼ 2,5	▼ 20,5	62.691	37.613	▲ 12,0	▼ 2,3
Indonesia	6.473	3.037	▲ 33,4	▲ 41,6	▼ 94,9	▼ 95,5	47.315	21.633	▼ 96,2	▼ 97,1
Australia	3.956	2.822	▼ 1,2	▼ 3,1	▼ 10,6	▼ 20,3	40.810	30.841	▼ 9,7	▼ 13,8
Ả Rập Xê Út	4.658	2.729	▲ 23,8	▲ 18,1	▲ 51,4	▲ 17,7	40.058	28.067	▲ 1,0	▼ 12,7
Campuchia	1.989	992	▲ 11,6	▼ 6,3	▼ 57,2	▼ 66,4	39.236	24.091	▼ 32,9	▼ 35,3
Mỹ	3.134	2.453	▲ 52,1	▲ 49,6	▼ 17,3	▼ 33,9	33.086	28.733	▼ 0,4	▼ 4,9
Đài Loan	2.134	1.091	▲ 306,5	▲ 297,9	▲ 203,1	▲ 137,3	19.178	10.889	▼ 0,6	▼ 12,1
Hà Lan	1.070	808	▲ 96,7	▲ 128,7	▲ 3,2	▼ 10,0	14.037	10.689	▲ 30,9	▲ 17,4
Bà Lan	469	377	▼ 48,6	▼ 34,8	▼ 33,8	▼ 33,8	11.643	8.885	▲ 4,3	▲ 3,2
Thổ Nhĩ Kỳ	103	64	▼ 22,0	▼ 32,4			11.047	6.764	▼ 24,8	▼ 28,0
Nam Phi	1.059	684	▲ 129,7	▲ 114,2	▲ 58,5	▲ 24,9	9.853	6.370	▲ 8,2	▼ 6,4
Tanzania	453	273	▲ 190,4	▲ 176,5	▼ 71,0	▼ 77,5	6.229	4.000	▼ 17,3	▼ 28,8
Nga	182	100	▼ 67,3	▼ 63,9	▼ 68,3	▼ 75,2	5.688	3.416	▼ 48,6	▼ 56,1
Pháp	497	334	▲ 52,5	▲ 47,8	▲ 5,5	▼ 13,2	4.516	3.465	▼ 1,1	▼ 6,7
Chile	28	20			▼ 39,1	▼ 52,3	3.449	2.194	▲ 136,2	▲ 133,1
Tây Ban Nha	122	76	▼ 34,8	▼ 53,2	▼ 17,0	▼ 41,1	2.752	2.016	▲ 12,1	▲ 1,8
Ukraine	311	225	▲ 144,9	▲ 142,0			2.526	1.743	▼ 78,9	▼ 75,2
Angola	123	67	▲ 68,5	▲ 128,7	▲ 24,2	▲ 34,9	1.521	782	▼ 28,6	▼ 47,6
Iraq							318	254	▲ 26,2	▲ 18,8
Bi							128	108	▼ 86,4	▼ 81,5
Brunei			▼ 100,0	▼ 100,0			110	112	▲ 0,9	▲ 7,6
Algeria							100	90	▲ 23,5	▲ 71,5
Khác	47.541	26.896	▼ 21,1	▼ 23,9	▼ 12,0	▼ 29,6	667.831	405.204	▼ 17,6	▼ 26,1

lw

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 05/BC-LTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trong năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS năm 2025 với các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025**1. Các công tác đã thực hiện:**

Ban kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm trong năm và tại ngày lập Báo cáo như sau:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/02/2024	Cử nhân kinh tế
2	Ông Đào Trọng Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/02/2024	Kỹ sư
3	Bà Mẫn Thị Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/02/2024	Cử nhân kế toán

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế, quy định của Tổng công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh

W

của Tổng công ty bao gồm:

- Giám sát việc triển khai thực hiện và kết quả thực hiện của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty.
- Thẩm định, rà soát các Báo cáo soát xét bán niên, Báo cáo tài chính năm, Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Trực tiếp thực hiện và tham gia ý kiến trong việc xây dựng và triển khai đề án tái cơ cấu Tổng công ty và các Quy chế, Quy định của Tổng công ty phù hợp với mô hình hoạt động trong tình hình mới.
- Thực hiện kiểm tra chuyên đề và kiểm tra, giám sát hoạt động một số đơn vị phụ thuộc, công ty con của Tổng công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức 08 cuộc họp trong năm 2025. Cụ thể như sau:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	08/08	100%	100%
2	Ông Đào Trọng Hải	08/08	100%	100%
3	Bà Mẫn Thị Nga	08/08	100%	100%

3. Báo cáo chi phí thù lao của Ban kiểm soát Tổng công ty:

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.

II. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2025

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định nội bộ của Tổng công ty, Ban kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát trong năm 2026 như sau:

- Giám sát việc chấp hành, tuân thủ theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Giám sát công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Tham mưu Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm.
- Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị về những vi phạm của người quản lý, điều hành: yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng công ty.
- Thực hiện giám sát tài chính một số đơn vị phụ thuộc, các công ty con của Tổng công ty. Thực hiện công tác kiểm soát theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất, bất thường,

kiểm soát các sự vụ phát sinh.

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2026, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tuấn Vinh





TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 01/TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (Tờ trình số 2852/TTr-LTMN-KHĐT ngày 14/11/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Nam); thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 và các văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính về việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
I	Hợp nhất		
1	Tổng sản lượng	Tấn	1.525.600
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	16.020.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	71.550
II	Công ty mẹ		
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	9.150.000
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	7.000

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 (Công ty mẹ): 92,530 tỷ đồng. Trong đó: đầu tư mới trong năm 2026 là 50,903 tỷ đồng và các hạng mục năm 2025 chuyển sang tiếp tục thực hiện là 41,627 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: vốn chủ sở hữu và vốn vay.

(Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đều chưa tính tới các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh trong năm tài chính 2026).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, KHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Huy Hưng



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: **02**/TTr-LTMN-HĐQT TP. Hồ Chí Minh, ngày **28** tháng **4** năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Báo cáo tài chính riêng và
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Điều 15 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty), quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty đã được công bố thông tin và đăng tải trên Website: www.vinafood2.com.vn. Bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập.
2. Bảng cân đối kế toán.
3. Báo cáo kết quả kinh doanh.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong đó, ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập có trình bày nội dung sau:

- Ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính riêng:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

- Ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. / *Nguyễn Huy Hưng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Hưng
Nguyễn Huy Hưng



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 03 /TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v phân phối lợi nhuận năm 2025 và
kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của Công ty mẹ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính của Công ty mẹ lãi: 5,5 tỷ đồng.

Trong năm 2025, Công ty mẹ tuy hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận nhưng còn số lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2025 là 2.636,03 tỷ đồng nên không trích lập các quỹ và chia cổ tức.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ lãi: 7 tỷ đồng.

Như vậy đến thời điểm 31/12/2026 Công ty mẹ vẫn còn lỗ lũy kế nên sẽ không trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. *Signature*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Signature
Nguyễn Huy Hưng



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 04 /TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua tiền lương, thù lao của
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Văn bản số 5258/BTC-DNNN ngày 24/4/2026 của Bộ Tài chính về việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/VSF-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Tiền lương và thù lao của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và các quy định hiện hành, Tổng công ty trích quỹ tiền lương và thù lao thực hiện của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2025 là **3.266,69 triệu đồng** (được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty) thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty được kiểm toán gồm:

a) Tổng số tiền lương của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách năm 2025 là **2.964,69 triệu đồng**.

b) Tổng số tiền thù lao của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2025 là **302,00 triệu đồng**.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên năm 2026:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty xây dựng tổng số tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên là **5.011,20 triệu đồng** gồm:

a) Tổng số tiền lương kế hoạch của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách năm 2026 là **4.392,00 triệu đồng**.

b) Tổng số tiền thù lao kế hoạch của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách năm 2026 là **619,20 triệu đồng**.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào tổng số tiền lương và thù lao kế hoạch, Tổng công ty xác định mức lương và thù lao phù hợp, tạm ứng tiền lương và thù lao hàng tháng cho Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên không vượt mức kế hoạch nêu trên và được xác định theo đúng quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ gắn với nguyên tắc được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm và các quy định có liên quan, Tổng công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quỹ lương và tổng mức thù lao thực hiện để quyết toán và chi trả cho các chức danh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *thor*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Hưng



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 05 /TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (sửa đổi, bổ sung).

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết được thể hiện tại Dự thảo Điều lệ và các tài liệu kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Hưng

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
– CÔNG TY CỔ PHẦN**

TP. Hồ Chí Minh, tháng năm

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
PHẦN MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	7
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	7
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG.....	9
ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ	9
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY.....	9
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	9
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	9
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	11
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH	11
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	11
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	11
Điều 6. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	11
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	17
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	17
Điều 8. Chào bán cổ phần	17
Điều 9. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty	18
Điều 10. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	19
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần	19
Điều 12. Thừa kế, tặng cho cổ phần	19
Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu	20
Điều 14. Chứng chỉ chứng khoán khác	20
Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông	20
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	21

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	21
Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	21
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21
Điều 17. Quyền của cổ đông	21
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông	23
Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	24
Điều 20. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	25
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 24. Thay đổi các quyền	29
Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 28. Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	34
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 30. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	36
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	37
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	38
Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 36. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	40
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị	43

Điều 38. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	43
Điều 39. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	44
Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	46
Điều 41. Các tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị	46
Điều 42. Người phụ trách quản trị công ty	46
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	47
Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý	47
Điều 44. Người điều hành Tổng công ty	47
Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	48
Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:	49
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY	50
Điều 47. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	50
Điều 48. Thành phần Ban kiểm soát	50
Điều 49. Trưởng Ban kiểm soát	51
Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	51
Điều 51. Cuộc họp của Ban kiểm soát	52
Điều 52. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	52
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	53
Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty	53
Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	54
Điều 55. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	55
Điều 56. Công khai lợi ích có liên quan	56
Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	58
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	58
Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	58

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	59
Điều 59. Công nhân viên và công đoàn	59
CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC.....	59
MỤC 1: TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỔNG CÔNG TY	59
Điều 60. Tổ chức bộ máy của Tổng công ty	59
MỤC 2: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY	60
TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	60
Điều 61. Quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác	60
CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH TỔNG CÔNG TY	60
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	60
Điều 62. Phân phối lợi nhuận	60
Điều 63. Trả cổ tức	61
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH.....	62
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	62
Điều 64. Tài khoản ngân hàng	62
Điều 65. Năm tài chính	62
Điều 66. Chế độ kế toán	62
MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	62
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	62
Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	62
Điều 68. Báo cáo thường niên	63
Điều 69. Công khai thông tin	63
MỤC 4: KIỂM TOÁN	63
Điều 70. Kiểm toán	63
MỤC 5: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	64
Điều 71. Dấu của doanh nghiệp	64
MỤC 6: GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	64

Điều 72. Giải thể Tổng công ty	64
Điều 73. Thanh lý	64
MỤC 7: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	65
Điều 74. Điều lệ Tổng công ty	65
MỤC 8: NGÀY HIỆU LỰC	65
Điều 75. Ngày hiệu lực	65

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
- Nghị quyết số /VSF-ĐHĐCĐ ngày của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “*Tổng công ty*” là Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP;
 - b) “*Ngày thành lập*” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;
 - c) “*Người điều hành doanh nghiệp*” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - d) “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
 - đ) “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
 - e) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
 - g) “*Cổ phần đã bán*” là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đầy đủ cho Tổng công ty;
 - i) “*Cổ phần được quyền chào bán*” là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;
 - k) “*Cổ phần chưa bán*” là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Tổng công ty;

1) “*Công ty con*” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:

(i) Tổng công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;

(ii) Tổng công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đó;

(iii) Tổng công ty có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của công ty đó.

m) “*Công ty liên kết*” là công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chỉ phối của Tổng công ty và công ty con; công ty không có vốn góp của Tổng công ty và công ty con, tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, các dịch vụ khác với Tổng công ty hoặc công ty con;

n) “*Cổ phiếu*” là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty;

o) “*Đại hội đồng cổ đông*” là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

p) “*Hội đồng quản trị*” là Hội đồng quản trị của Tổng công ty;

q) “*Ban kiểm soát*” là Ban kiểm soát của Tổng công ty;

r) “*Tổng giám đốc*” là Tổng giám đốc của Tổng công ty;

s) “*Đơn vị phụ thuộc*” là chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty;

t) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

u) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

v) “*Sở giao dịch chứng khoán*” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

x) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

y) “*Sổ đăng ký cổ đông*” có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Tổng công ty.

aa) “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

bb) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

cc) “*Pháp luật*” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm

2025 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty:

- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN.

- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Anh: VIETNAM SOUTHERN FOOD CORPORATION – JOINT STOCK COMPANY

- Tên Tổng công ty viết tắt: VINAFOOD II

2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (028) 38370025/26/27/27/29

- Fax: (028) 38365898/99

- Website: www.vinafood2.com.vn

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 72 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho

Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Tổng giám đốc.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a) Tổng giám đốc đại diện cho Tổng công ty đối với các vấn đề do Tổng giám đốc quyết định theo thẩm quyền, theo phân cấp quản trị nội bộ của Tổng công ty.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện cho Tổng công ty đối với các vấn đề do Hội đồng quản trị quyết định và các vấn đề khác ngoài quy định tại điểm a khoản này.

4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người ủy quyền vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc tại Tổng công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

5. Trường hợp một trong hai Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật tương ứng hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho Tổng công ty hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Khoản 4 Điều 37, Khoản 6 và 7 Điều 45 thì người đại diện theo pháp luật còn lại thực hiện toàn bộ quyền và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Trường hợp cả hai người đại diện theo pháp luật đều lâm vào tình trạng nêu trên tại cùng một thời điểm thì Hội đồng quản trị quyết định giao người khác thực hiện quyền và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty cho đến khi kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.

6. Đối với các trường hợp khác có tác động tiêu cực đến công tác Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau: một hoặc cả hai Người đại diện theo pháp luật không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; xuất cảnh khỏi Việt Nam nhưng không thực hiện ủy quyền; ...), Hội đồng quản trị sẽ xem xét, điều chỉnh phân công giữa hai người đại diện tại Điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc cử nhân sự thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định pháp luật đối với thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Tổng công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Điều 6. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chế biến. Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột (không hoạt động tại trụ sở) (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)	4632
2	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu lương thực	4721
3	Bán lẻ thực phẩm Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu thịt chế biến. Bán lẻ rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; bánh, mứt, kẹo, thực phẩm khác. -Bán lẻ bánh tráng.	4722
4	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4773
5	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), đồ thể thao, lương thực thực phẩm (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh)	4719
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Thu mua, bảo quản, chế biến, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản.	
7	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Bảo quản, chế biến thực phẩm chế biến (không hoạt động tại trụ sở). Chế biến thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1010
8	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản (không hoạt động tại trụ sở).	1030
9	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Chế biến thức ăn chăn nuôi.	1080
10	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
11	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ hạt nhựa (trừ tái chế phế thải nhựa tại trụ sở)	2220
13	Sản xuất bao bì bằng gỗ Chi tiết: Sản xuất bao bì (trừ chế biến gỗ tại trụ sở).	1623
14	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất bao bì (trừ tái chế phế thải tại trụ sở).	3290
15	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: Sản xuất bánh tráng.	1071
16	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát, chế biến lúa mì, bột mì.	1061
17	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: Sản xuất chế biến các sản phẩm từ bột.	1062
18	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ sau thu hoạch.	0163
19	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

STT	Tên ngành	Mã ngành
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Khai thác cảng biển, bến-cảng nội thủy. Giao nhận, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển.	5222
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng sông, cảng biển	5224
24	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi	5210
25	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631 (chính)
26	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
27	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn - Bán lẻ đồ uống không có cồn	4723
28	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
29	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, Logistics	5229
31	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
32	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục	5610

STT	Tên ngành	Mã ngành
	vụ lưu động khác	
33	Điều hành tua du lịch	7912
34	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663
35	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
36	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở).	4620
37	Bán buôn đồ uống	4633
38	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1020
39	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
40	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
41	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
42	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
43	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt và các sản phẩm có liên quan	4610
44	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4730
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.	5225

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ.	
46	Bán buôn tổng hợp	4690
47	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
48	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
49	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật	4679
50	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chưa được phân vào đâu (trừ trung gian tài chính)	8240
51	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước uống tinh khiết	1105
52	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn) (không hoạt động tại trụ sở).	4671
53	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú	5530
54	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách	5232
55	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống	5640
56	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
57	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661
58	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781
59	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
60	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532
61	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4783
62	Hoạt động liên quan đến du lịch khác	7990

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

Phát triển Tổng công ty là doanh nghiệp kinh doanh lương thực hàng đầu của Việt Nam, cung cấp các loại gạo và đa dạng với các sản phẩm, dịch vụ khác, chất lượng, hiệu quả đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty trong điều kiện tuân thủ các quy định pháp luật; phát triển bền vững lâu dài.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 5.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm ngàn tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 500.000.000 cổ phần (Bằng chữ: Năm trăm triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Bằng chữ: Mười nghìn đồng).

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ

phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Hình thức chào bán cổ phần:

- a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 9. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty

Tổng công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Tổng công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy

định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Tổng công ty.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng công ty.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này

và Điều 11 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 13. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 14. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Tổng công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với

cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Tổng công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 16. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc.

Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trọng Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Tổ chức là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trong trường hợp cử nhiều người đại diện phần vốn theo ủy quyền thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện phần vốn theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp. Việc cử và nội dung văn bản cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Bộ Tài chính.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty thực hiện theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại

doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội

đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

i) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng quy định tại Điều lệ này. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội

đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- c) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- d) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- đ) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- i) Quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Thông qua Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty hằng năm; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội

đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP);

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp

hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 24. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên,

những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25, 26 và Điều 27 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách

hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung cuộc họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước

khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

b) Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

đ) Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

e) Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên.

g) Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 34 Điều lệ này.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty, trừ chức danh Tổng giám đốc để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm quy định của pháp luật đến mức bị truy tố
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 36. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Tổng công ty; Quyết định danh mục các dự án đầu tư của Tổng công ty;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

đ) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;

g) Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h) Quyết định phương án đầu tư, mua, bán, thanh lý tài sản và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành của Tổng công ty, các chức danh quản lý của các tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

m) Cử người đại diện vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện vốn của Tổng công ty tham gia hoặc ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

n) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

o) Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, tăng hoặc giảm hoặc chuyển nhượng vốn điều lệ công ty con do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ; Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc các công ty này;

p) Quyết định các trường hợp đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, tăng hoặc giảm vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác;

q) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị phụ thuộc, văn phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty, các Tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị;

r) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

x) Thông qua việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền;

y) Phê duyệt việc vay nợ, cho vay, cho thuê tài sản và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty; Xử lý tài chính các khoản nợ của Tổng công ty có giá trị từ trên 5 tỷ đến dưới 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

aa) Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

bb) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

cc) Phê duyệt các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

dd) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ này;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

đ) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

e) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

g) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này và theo Quy chế nội bộ của Tổng công ty;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp phải bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị khi chưa hết nhiệm kỳ theo quy định của pháp luật thì Hội đồng quản trị phải thực hiện bầu thay thế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao và thưởng.

Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 39. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội

đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Ký Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham dự có lý do chính đáng.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video, tele-conference) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41. Các tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hoặc các cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị để thực hiện công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban, cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc hoặc các cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 42. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Tổng công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Tổng công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Phó Tổng giám đốc là người trợ giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công, ủy quyền.

Số lượng Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

3. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của Tổng công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc.

4. Người điều hành được trả lương, thù lao và thưởng. Tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

5. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc không đồng thời kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý, kiểm soát, điều hành nào tại doanh nghiệp khác.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ và thực hiện thẩm quyền ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo phân cấp tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; ban hành quy định quản lý nội bộ để vận hành hệ thống tổ chức điều hành của Tổng công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động theo kế hoạch tuyển dụng sử dụng lao động đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

k) Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả;

l) Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày.

7. Tổng giám đốc có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của Tổng công ty;

c) Cố tình vi phạm hoặc vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, chế độ quản lý tài chính và các quy chế quản lý nội bộ khác; vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty gây hậu quả nghiêm trọng;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8. Trong trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 6 và 7 Điều này, Hội đồng quản trị cử người khác để điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty cho đến khi bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

9. Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Là cư dân thường trú tại Việt Nam;

2. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không phải là cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

3. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh

nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty;

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty, Kiểm soát viên của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY

Điều 47. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát như sau:

a) Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

b) Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

đ) Từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều này.

Điều 48. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là 03 (ba) người. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm

toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 49. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết

định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 52. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức

tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 57 của Điều lệ này.

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Tổng công ty và bên thứ ba.

Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 55. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân hoặc tổ chức.

3. Tổng công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

(i) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;

(ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

(iii) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ này.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 8 Điều 29 của Điều lệ này.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Tổng công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 56. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Tổng công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Tổng công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Tổng công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tổng công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Tổng công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Tổng công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 59. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

MỤC 1: TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 60. Tổ chức bộ máy của Tổng công ty

1. Tổng công ty được tổ chức theo hệ thống thống nhất, bao gồm:

- a) Trụ sở chính;
- b) Các Đơn vị phụ thuộc;
- c) Các Công ty con;
- d) Các Công ty liên kết.

2. Tổng công ty có thể thành lập các Đơn vị phụ thuộc, đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của Tổng công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật cho phép.

MỤC 2: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 61. Quản lý phân vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác

1. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các Công ty con, Công ty liên kết thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổng công ty ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty trực tiếp thay mặt Tổng công ty quản lý các khoản đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty con, Công ty liên kết được quy định tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH TỔNG CÔNG TY

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 62. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông

báo hoặc tài liệu khác.

6. Hàng năm, Tổng công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

- a) Bù đắp lỗ các năm trước (nếu có);
- b) Trích lập quỹ đầu tư phát triển;
- c) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- d) Trả cổ tức cho cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

7. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Tổng công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này và Điều 124, 125 Luật Doanh nghiệp. Tổng công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 64. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 65. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (tháng một) và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) dương lịch hàng năm.

Điều 66. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải

được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 68. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 69. Công khai thông tin

1. Tổng công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổng công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

- a) Điều lệ Tổng công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Tổng công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về doanh nghiệp.

MỤC 4: KIỂM TOÁN

Điều 70. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và

điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

MỤC 5: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 71. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Quản lý và sử dụng con dấu: Quy định nội bộ về sử dụng con dấu được Tổng công ty quy định cụ thể, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của Tổng công ty và chi nhánh.

MỤC 6: GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 72. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 73. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập.

2. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải.

Việc thanh toán các chi phí của Tòa án hoặc Trọng tài được thực hiện theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài.

MỤC 7: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 74. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

MỤC 8: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 75. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 5 chương, 75 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty nhất trí thông qua ngày tháng năm 202.. tại Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 02/2020/VSF-ĐHĐCĐ ngày 29/02/2020.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nguyễn Huy Hưng

PHỤ LỤC

Các chi nhánh (đơn vị phụ thuộc) của Tổng công ty

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Công ty Lương thực Bến Tre	Số 199 D2, khu phố 4, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long
2	Công ty Lương thực Sóc Trăng	Số 76 Lê Duẩn, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ
3	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Số 06 Nguyễn Du, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
4	Công ty Lương thực Trà Vinh	Số 102 Trần Phú, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long
5	Công ty Lương thực Đồng Tháp	Số 531 Quốc lộ 30, phường Mỹ Ngẫu, tỉnh Đồng Tháp
6	Công ty Bột mì Bình Đông	Số 277A Bến Bình Đông, phường Phú Định, TP. Hồ Chí Minh
7	Công ty Lương thực Sông Hậu	Lô 18 Khu công nghiệp Trà Nóc I, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
8	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Ấp Vĩnh Yên, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long
9	Công ty Lương thực Long An	Số 10 Cử Luyện, phường Long An, tỉnh Tây Ninh
10	Công ty Lương thực Bạc Liêu	Số 166 Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
11	Công ty Lương thực Vĩnh Long	Số 09 Tỉnh lộ 901, ấp Hồi Thạnh, xã Hòa Bình, tỉnh Vĩnh Long
12	Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang	Ấp Bình, xã An Hữu, tỉnh Đồng Tháp
13	Công ty Lương thực Tiền Giang	Số 256, Khu phố 2, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
14	Chi nhánh Thốt Nốt	Khu vực Thới Hòa 1, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 06 / Tr-LTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập
và lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn danh sách các công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty như sau:

1. Các tiêu chí, hình thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Lựa chọn các công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam;
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín và chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần, bao gồm các công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH Kiểm toán FAC

3. Giao Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách 06 công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện soát xét báo cáo tài chính

bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tuấn Vinh



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



Số: 07 /TTr-LTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v trình Đại hội đồng cổ đông thông qua
Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - CTCP (sau đây viết tắt là Tổng Công ty).

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng Công ty, thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Tổng Công ty. Ban Kiểm soát đã soạn thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (chi tiết tại bản dự thảo đính kèm), kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Tuấn Vinh

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT**
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
(Ban hành theo Nghị quyết số ngày ... tháng ... năm của
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

W

MỤC LỤC

CHƯƠNG I_ QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	3
CHƯƠNG II_ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	5
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát	5
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Kiểm soát viên	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ...	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	7
CHƯƠNG III_ BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
CHƯƠNG IV_ CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	11
Điều 16. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát	11
Điều 17. Biên bản họp của Ban Kiểm soát	12
CHƯƠNG V_ BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	12
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm	12
Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát	13
Điều 20. Công khai lợi ích liên quan	13
CHƯƠNG VI_ QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	14
Điều 21. Quan hệ với cổ đông	14
Điều 22. Quan hệ với Hội đồng quản trị	14
Điều 23. Quan hệ với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác	14
CHƯƠNG VII_ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 24. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung quy chế	15

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát và mối quan hệ với các bộ phận khác của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. Quy chế này là quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty và là bộ phận không thể tách rời của hệ thống quản trị nội bộ Tổng công ty

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tổng công ty: Là Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

2. Cổ đông: Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

3. Người có liên quan: Là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

4. Người quản lý: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty

5. Ban Tổng Giám đốc: Là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Tổng công ty

6. Kiểm toán nội bộ: Là cơ quan chuyên môn do Hội đồng quản trị thành lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ.

7. Kiểm soát viên: Là cá nhân do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Tổng công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các báo cáo, kết luận kiểm tra, giám sát của mình. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách.

2. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cơ quan có thẩm quyền phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát.

3. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của

Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng công ty.

4. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát nhưng không thay thế chức năng quản trị của Hội đồng quản trị và điều hành của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định;

5. Đề nghị Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường hoặc khi xét thấy cần thiết;

6. Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;

7. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Tổng công ty, đơn vị trực thuộc cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

8. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;

9. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;

10. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết;

11. Bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

12. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát

W

không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát được quy định như sau:

a) Xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát hàng năm, quý, tháng, các nội dung đột xuất khi có những vấn đề phát sinh và phân công thực hiện;

b) Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập hoặc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và

Điều lệ Tổng công ty;

c) Trao đổi ý kiến với Hội đồng quản trị về các nội dung nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc khi thấy cần thiết. Được tham gia thảo luận tại cuộc họp nhưng không được biểu quyết;

e) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo của Ban Kiểm soát;

f) Triệu tập, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát;

g) Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;

h) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

i) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản, báo cáo thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát trên cơ sở nội dung đã được các thành viên trong Ban Kiểm soát thông qua.

k) Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Kiểm soát viên

1. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên

được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà

lv

ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định theo Điều lệ, các quy chế của Tổng công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

W

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm

W

việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện (trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

W

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất một năm hai (02) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát theo đề nghị của:

- Ít nhất một (01) thành viên Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát phải được tiến hành trong vòng bảy (07) ngày sau khi nhận được đề nghị.

4. Trong trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản triệu tập cuộc họp của Ban Kiểm soát.

5. Thời gian triệu tập họp Ban Kiểm soát: Cuộc họp Ban Kiểm soát được thông báo mời họp ít nhất một (01) ngày trước ngày khai mạc bao gồm thời gian, địa điểm, nội dung và tài liệu kèm theo (nếu có). Thông báo triệu tập họp có thể bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại.

6. Địa điểm họp Ban Kiểm soát: Địa điểm họp do người triệu tập họp quyết định trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Cuộc họp Ban Kiểm soát được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát ủy quyền thay thế tham dự.

Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt và không ủy quyền lại thì các thành viên tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

Điều 16. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một (01) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác thực hiện biểu quyết thay;

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền và lợi ích liên quan đến nội dung vấn đề được đưa ra biểu quyết sẽ không được phép tham gia biểu quyết;

3. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng

Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền.

Điều 17. Biên bản họp của Ban Kiểm soát

1. Những nội dung được đưa ra trao đổi, kết luận và biểu quyết về từng vấn đề của cuộc họp của Ban Kiểm soát đều phải được ghi trong biên bản. Các thành viên Ban Kiểm soát được quyền bảo lưu ý kiến trong biên bản.

2. Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, lưu trữ tại Ban Kiểm soát và phải được tất cả thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp ký tên và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Biên bản cuộc họp được gửi đến tất cả các thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, các báo cáo sau đây của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;

2. Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

a) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

c) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

d) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

g) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

h) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở

W

lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức tiền lương, thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

Điều 20. Công khai lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 21. Quan hệ với cổ đông

Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Tổng công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cổ đông, Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát trong việc quản lý Tổng công ty và Hội đồng quản trị có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

2. Ban Kiểm soát thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

3. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Tổng công ty, Công ty con, Công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quan hệ với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác

1. Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát trong việc quản lý Tổng công ty. Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ kịp thời số liệu, tài liệu thông tin giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

2. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, đề nghị, kiến nghị Ban Tổng Giám đốc theo quy định. Ban Tổng Giám đốc thông báo cho Ban Kiểm soát những chỉ đạo, ý kiến của mình đối với những vấn đề Ban Kiểm soát đã có báo cáo, đề nghị, kiến nghị để Ban Kiểm

soát theo dõi;

3. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên trong Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản đến Ban Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo đến Hội đồng quản trị, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

6. Khi có nhu cầu sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban Kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Quy chế này gồm 07 Chương 24 Điều, có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua; Những nội dung khác về tổ chức hoạt động, chế độ làm việc, các mối quan hệ nếu chưa được đề cập trong quy chế này thì được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Ban Kiểm soát xem xét, đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN TUẤN VINH



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 08 /TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v cập nhật điều chỉnh, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Hệ thống ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Lương thực miền Nam (theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh số 944100/25 ngày 27/10/2025 của Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh);

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua việc cập nhật, đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1.1. Cập nhật mới đối với 14 mã ngành được sửa đổi, bổ sung theo quy định mới.

1.2. Đăng ký bổ sung mã ngành tương đương (chuẩn hóa theo luật) đối với 06 mã ngành đã bị xóa bỏ khỏi danh mục cũ.

1.3. Giữ nguyên 38 mã ngành kinh doanh của Tổng công ty không thay đổi theo quy định mới.

(Đính kèm Phụ lục – Cập nhật điều chỉnh, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty lương thực miền Nam)

2. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty triển khai thực hiện điều chỉnh Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (nội dung về ngành, nghề kinh doanh) và thực hiện các thủ tục bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Hưng



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



PHỤ LỤC

CẬP NHẬT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MÃ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

(Kèm theo Tờ trình số: 001./TTr-LTMN-HĐQT ngày 20/11/2026 về việc cập nhật điều chỉnh, bổ sung mã ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty)

1. Cập nhật mới đối với 14 mã ngành được sửa đổi, bổ sung theo quy định mới:

TT	Mã ngành Tổng công ty đã đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện hành	Mã ngành Tổng công ty cần cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025
1	4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật	4679: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Bán buôn bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật
2	4721: Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 (đã hết hiệu lực) và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/09 của UBND TP HCM (đã hết hiệu lực)	4721: Bán lẻ lương thực <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu lương thực
3	4722: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu thịt chế biến. Bán lẻ rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; bánh, mứt, kẹo, thực phẩm khác (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 3/07/2009 (đã hết hiệu lực) và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 (đã hết hiệu lực) của UBND TP HCM quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP HCM). Bán lẻ bánh tráng	4722: Bán lẻ thực phẩm <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu thịt chế biến. Bán lẻ rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; bánh, mứt, kẹo, thực phẩm khác. -Bán lẻ bánh tráng.
4	4773: Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773: Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)



ĐM

TT	Mã ngành Tổng công ty đã đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện hành	Mã ngành Tổng công ty cần cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025
	<i>Chi tiết:</i> Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 (đã hết hiệu lực) và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 (đã hết hiệu lực) của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh)	<i>Chi tiết:</i> Bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ
5	4631: Bán buôn gạo (chính) <i>Chi tiết:</i> Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 (đã hết hiệu lực) và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 (đã hết hiệu lực) của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)	4631: Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ (chính) <i>Chi tiết:</i> Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ
6	1104: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết:</i> Sản xuất nước khoáng, nước uống tinh khiết	1105: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết:</i> Sản xuất nước khoáng, nước uống tinh khiết
7	4759: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu
8	4723: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ đồ uống có cồn. Bán lẻ đồ uống không có cồn.	4723: Bán lẻ đồ uống <i>Chi tiết:</i> - Bán lẻ đồ uống có cồn - Bán lẻ đồ uống không có cồn
9	4661: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết:</i> Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn) (không hoạt động tại trụ sở).	4671: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết:</i> Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn) (không hoạt động tại trụ sở).
10	5510: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết:</i> Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510: Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự <i>Chi tiết:</i> Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
11	7990: Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	- 7990: Hoạt động liên quan đến du lịch khác - 5232: Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách; - 5640: Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống;

ĐM

TT	Mã ngành Tổng công ty đã đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện hành	Mã ngành Tổng công ty cần cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025
		- 5530: Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú - 8240: Hoạt động dịch vụ trung gian cho các hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chưa được phân vào đâu (trừ trung gian tài chính)
12	4663: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
13	4730: Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ xăng dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4730: Bán lẻ nhiên liệu động cơ <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ xăng dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
14	4772: Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772: Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh

2. Đăng ký bổ sung mã ngành tương đương (chuẩn hóa theo luật) đối với 06 mã ngành đã bị xóa bỏ khỏi danh mục cũ (do thay đổi mã ngành nghề, không thay đổi nội dung)

TT	Mã ngành Tổng công ty đã đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện hành	Mã ngành Tổng công ty cần đăng ký theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025
1	4511: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
2	4512: Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4781: Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác
3	4520: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	9531: Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác
4	4542: Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	9532: Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy
5	4543: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663: Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
6	4541: Bán mô tô, xe máy	4783: Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

3. Giữ nguyên 38 mã ngành kinh doanh của Tổng công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện hành do không thay đổi theo quy định mới.

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	4632	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết:</i> Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chế biến. Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột (không hoạt động tại trụ sở) (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số

13
NG
GT
TH
NA
Y CỘP
P.HỒ

PM

STT	Mã ngành	Tên ngành
		79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)
2	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết:</i> Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), đồ thể thao, lương thực thực phẩm (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)
3	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Thu mua, bảo quản, chế biến, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản.
4	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt <i>Chi tiết:</i> Bảo quản, chế biến thực phẩm chế biến (không hoạt động tại trụ sở). Chế biến thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
5	1030	Chế biến và bảo quản rau quả <i>Chi tiết:</i> Bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản (không hoạt động tại trụ sở).
6	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản <i>Chi tiết:</i> Chế biến thức ăn chăn nuôi.
7	0321	Nuôi trồng thủy sản biển
8	0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa
9	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết:</i> Sản xuất bao bì từ hạt nhựa (trừ tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
10	1623	Sản xuất bao bì bằng gỗ <i>Chi tiết:</i> Sản xuất bao bì (trừ chế biến gỗ tại trụ sở).
11	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Sản xuất nguyên liệu sản xuất bao bì (trừ tái chế phế thải tại trụ sở).
12	1071	Sản xuất các loại bánh từ bột <i>Chi tiết:</i> Sản xuất bánh tráng.
13	1061	Xay xát và sản xuất bột thô <i>Chi tiết:</i> Xay xát, chế biến lúa mì, bột mì.
14	1062	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột <i>Chi tiết:</i> Sản xuất chế biến các sản phẩm từ bột.
15	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch <i>Chi tiết:</i> Kinh doanh dịch vụ sau thu hoạch.
16	0164	Xử lý hạt giống để nhân giống
17	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

STT	Mã ngành	Tên ngành
		<i>Chi tiết:</i> Khai thác cảng biển, bến-cảng nội thủy. Giao nhận, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển.
18	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
19	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
20	5224	Bốc xếp hàng hóa <i>Chi tiết:</i> Bốc xếp hàng hóa cảng sông, cảng biển.
21	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết:</i> Cho thuê kho bãi.
22	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
23	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
24	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết:</i> Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics
25	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết:</i> Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác
26	7912	Điều hành tua du lịch
27	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
28	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết:</i> Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở).
29	4633	Bán buôn đồ uống
30	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
31	8292	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).
32	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
33	0162	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi
34	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết:</i> Kinh doanh bất động sản
35	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết:</i> Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt và các sản phẩm có liên quan
36	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ <i>Chi tiết:</i> Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ



DM

STT	Mã ngành	Tên ngành
37	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
38	4690	Bán buôn tổng hợp



Số: **09** /TT- LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày **28** tháng **1** năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty được sửa đổi, bổ sung theo các quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025, Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/6/2025; Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính và Điều lệ Tổng công ty với các nội dung cụ thể theo dự thảo đính kèm;

2. Giao cho Hội đồng quản trị chủ động hoàn thiện Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần để phát hành bản chính thức phù hợp với quy định của pháp luật.

(Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty được đăng tải trên website: www.vinafood2.com.vn)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Nguyễn Huy Hưng

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025);

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết số..., ngày ... tháng ... năm... của Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG 1.
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Tổng công ty: là Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
3. HĐQT: là viết tắt của Hội đồng quản trị.
4. BKS: là viết tắt của Ban kiểm soát.
5. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).
6. Ứng cử: là tự đề cử.
7. TCLKCK: Tổ chức lưu ký chứng khoán.
8. UBCKNN: là viết tắt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
9. SGDCK: là viết tắt của Sở giao dịch chứng khoán.
10. HOSE: là viết tắt của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
11. Người phụ trách quản trị Tổng công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.
12. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.
13. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều 22 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

Mục 2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều 21 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều 21 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay

thể HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

e. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

f. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

d. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

e. Đoàn Chủ tọa gồm 3 - 5 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 2 - 4 thành viên.

f. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

g. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 3-5 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 2 - 4 thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty được tổ chức tiến hành.
- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày Tổ chức lưu ký chứng khoán (TCLKCK) xác lập danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với quy định của pháp luật. Tổng công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng và việc lập danh sách cổ đông có quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. HĐQT gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và TCLKCK thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là 10 (mười) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá mười (10) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp

quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Tổng công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Tổng công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Tổng công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty;

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này phải lập thành văn bản theo khoản 2 Điều 23 Điều lệ Tổng công ty. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

c. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Tổng công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

b. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- Phiếu bầu cử không hợp lệ:

+ Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;

+ Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

+ Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như không biểu quyết về vấn đề đó và không được tính vào số phiếu thu về để xác định tổng số phiếu biểu quyết thông qua vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty;

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết:

Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp (hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự) và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Việc bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

k. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Mục 3. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 21. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Khoản 2 Điều 18 Quy chế này.

Mục 4. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Tổng công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 25 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do HĐQT quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Tổng công ty.

3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Tổng công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Tổng công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Tổng công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại đại hội sẽ được Tổng công ty trả lời sau.

Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi nội dung biểu quyết, bầu cử của mình (nhưng không thể hủy nội dung biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Mục 5. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 24 Quy chế này.

Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 26 Quy chế này.

Điều 38. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 29 Quy chế này.

Điều 40. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

**CHƯƠNG 3.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Mục 1. Quy định chung

Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động và quy định nội bộ của Tổng công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty, trừ chức danh Tổng giám đốc để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

c. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

d. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

3. Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

b) Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối

đa 03 (ba) ứng cử viên;

d) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

đ) Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

e) Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên.

g) Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty và Quy chế này. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty.

Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT; Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức

4. Trường hợp phải bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị khi chưa hết nhiệm kỳ theo quy định của pháp luật thì Hội đồng quản trị phải thực hiện bầu thay thế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Mục 3. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Điều 55. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Tổng công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.

Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

Mục 4. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều

hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường

1. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

Điều 58. Thông báo họp HĐQT và quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng công ty.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 59. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 60. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 62 Quy chế này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Ký Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham dự có lý do chính đáng.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 54 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. HĐQT có quyền lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua Nghị quyết HĐQT khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của ít nhất 2/3 thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.

Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 63. Lập biên bản họp HĐQT

Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 64 Quy chế này.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h Điều 63 Quy chế này thì biên bản họp vẫn có hiệu lực. Điều bản

hợp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định hiện hành.

Mục 5. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Điều 66. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty, các Quy chế nội bộ.

Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Điều 67. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của HĐQT.

Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty

Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG 4.
BAN KIỂM SOÁT**

Mục 1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Điều 71. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 72. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 73. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty; người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty, đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 74. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 47 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 76. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy

định tại Khoản 2 Điều 48 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty và khoản 1, khoản 2 Điều 73 Quy chế này.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 77. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 78. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC

Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Điều 79. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

e. Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

i. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

k. Đề nghị HĐQT Tổng công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên công ty con là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm 100% vốn điều lệ.

l. Đề nghị HĐQT quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, giới thiệu người tham gia vào HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác.

m. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp thành viên.

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Điều 80. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Là cư dân thường trú tại Việt Nam;
- b. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty, phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty;
- c. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;
- e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
- f. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 81. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 80 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Tổng công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng giám đốc.

Điều 82. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp được quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 45 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

HĐQT có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc được quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 36 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.

Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do HĐQT quyết định.
2. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 85. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.
4. HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
5. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát: HĐQT chịu sự giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát.

Điều 86. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Tổng công ty và cổ đông.
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 87. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 86 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Ban điều hành và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 88. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7.

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 89. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG 8. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 90. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 90 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này thay thế Quy chế được ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/9/2018.
3. Trong trường hợp quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập hoặc có đề cập nhưng quy định khác với nội dung trong bản quy chế này thì quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có quy định nào chưa phù hợp, Hội đồng quản trị sẽ xem xét trình Đại hội đồng cổ đông để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được lập thành văn bản và phải được ĐHĐCĐ thông qua.
5. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Huy Hưng

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	1
CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2
Mục 2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	9
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	9
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	10
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	11
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	11
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	12
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	13
Mục 3. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	13
Điều 21. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13
Điều 22. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	13
Mục 4. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	15
Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	15
Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	15

Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----	16
Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -	16
Điều 27. Điều kiện tiến hành -----	17
Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến-----	17
Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	17
Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----	17
Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến -----	18
Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	18
Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	18
Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	19
Mục 5. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	19
Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông -----	19
Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	19
Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông -----	19
Điều 38. Điều kiện tiến hành -----	19
Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông-----	19
Điều 40. Cách thức bỏ phiếu-----	19
Điều 41. Cách thức kiểm phiếu-----	19
Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	19
Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	19
Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	19
CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	19
Mục 1. Quy định chung.....	19
Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT-----	19
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT-----	20
Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT	21
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT -----	21
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT -----	21
Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT-----	21
Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT-----	22
Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT -----	22

Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT-----	23
Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT -----	23
Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT -----	23
Mục 3. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT.....	24
Điều 55. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT -----	24
Mục 4. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	24
Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm-----	24
Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường -----	25
Điều 58. Thông báo họp HĐQT và quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát	25
Điều 59. Điều kiện tổ chức họp HĐQT -----	25
Điều 60. Cách thức biểu quyết-----	25
Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT -----	27
Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT -----	27
Điều 63. Lập biên bản họp HĐQT -----	27
Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT-----	27
Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT-----	28
Mục 5. Các tiểu ban thuộc HĐQT	28
Điều 66. Các tiểu ban thuộc HĐQT-----	28
Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty...	28
Điều 67. Người phụ trách quản trị Tổng công ty -----	28
Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty -----	28
Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty ---	29
Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty -----	29
CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT -----	29
Mục 1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	29
Điều 71. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát -----	29
Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	30
Điều 72. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát-----	30
Điều 73. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát -----	30
Điều 74. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát -----	31
Điều 75. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát -----	31

Điều 76. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát-----	31
Điều 77. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát-----	32
Điều 78. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát -----	32
CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC -----	32
<i>Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....</i>	32
Điều 79. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc -----	32
<i>Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.....</i>	33
Điều 80. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc-----	34
Điều 81. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc -----	34
Điều 82. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc -----	34
Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc-----	34
Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc -----	35
CHƯƠNG 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC -----	35
Điều 85. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc -----	35
Điều 86. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác -----	35
Điều 87. Khen thưởng -----	36
Điều 88. Kỷ luật-----	36
CHƯƠNG 7. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY-----	36
Điều 89. Bổ sung và sửa đổi Quy định nội bộ về quản trị Công ty -----	36
CHƯƠNG 8. NGÀY HIỆU LỰC -----	37
Điều 90. Ngày hiệu lực -----	37



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: 10 /TTr-LTMN-HĐQT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-BTC ngày 24/4/2026 của Bộ Tài chính về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước và điều chỉnh số cổ phần, cổ phiếu biểu quyết được ủy quyền cho Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:

- Số lượng nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị bổ sung: 01 thành viên.

- Danh sách ứng viên đề cử:

+ Ông Đoàn Quang Long, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

(Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng viên)

(*) Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Hưng
Nguyễn Huy Hưng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:	Đoàn Quang Long
2. Giới tính:	Nam
3. Ngày tháng năm sinh:	30/06/1976
4. Nơi sinh:	Thanh Hóa
5. CCCD số:	038076000196
6. Quốc tịch:	Việt Nam
7. Dân tộc:	Kinh
8. Địa chỉ thường trú:	CC 173 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
9. Số điện thoại:	0913 231 727
10. Địa chỉ email:	
11. Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư thiết bị điện - Điện tử
12. Quá trình công tác:	
3/1998 – 8/2004	Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng Tây Hồ - Tổng công ty Xây dựng Hà Nội
8/2004 – 11/2005	Trưởng phòng KHKT XN Xây dựng Số 2 - Công ty Xây dựng Tây Hồ - Tổng công ty Xây dựng Hà Nội
11/2005 – 05/2007	Phó Giám đốc XN Xây dựng Số 6 - Công ty Xây dựng Tây Hồ - Tổng công ty Xây dựng Hà Nội
05/2007 – 11/2016	Giám đốc XN Xây dựng Số 2 - Công ty Xây dựng Tây Hồ - Tổng công ty Xây dựng Hà Nội
11/2016 – 02/2022	Giám đốc XN Xây dựng và Phát triển Nhà - Công ty cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh
04/2017 – 02/2022	Giám đốc Công ty cổ phần KS Vườn Bắc Thủ Đô
02/2022 – 03/2022	Phó trưởng Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp - Tổng công ty Lương thực miền Nam
03/2022 – 03/2024	Tổng giám đốc, Người đại diện vốn Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh
04/2024 – 03/2025	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện vốn Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh
04/2025 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện vốn Tổng công ty tại Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực thực phẩm
13. Các chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
14. Tổng số cổ phần nắm giữ	

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/khác):	57.139.844 cổ phần, chiếm 11,43% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
15. Cam kết nắm giữ (nếu có)	
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổng công ty:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
17. Những khoản nợ đối với Tổng công ty:	Không có
18. Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty:	Không có
19. Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty:	Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Đính kèm là Danh sách người có liên quan

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2026

NGƯỜI KHAI



Đoàn Quang Long

Số TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/Quản lý	Địa chỉ	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Điện thoại	Fax	Quốc tịch
1	Đoàn Quang Hiến		Bố đẻ	Nam	Mất năm 2000						Việt Nam
2	Hoàng Thị Nguyễn		Mẹ đẻ	Nữ	241 đường Đội Cung, phường Hạc Thanh, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	038140008989	14/8/2021	Cục CS QLHC về TTXH			Việt Nam
3	Đặng Thị Thanh Thủy		Vợ	Nữ	CC 173 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.	01177027345	08/4/2021	Cục CS QLHC về TTXH			Việt Nam
4	Đoàn Thị Vân Anh		Chị ruột	Nữ	Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	038153020023	10/8/2022	Cục CS QLHC về TTXH			Việt Nam
5	Đoàn Thị Thanh Tâm		Chị ruột	Nữ	119 Sơn Lôi, phường Sầm Sơn, TP. Sầm Sơn, Thanh Hóa	038171030877	01/9/2021	Cục CS QLHC về TTXH			Việt Nam
6	Đoàn Thị Xuân Tinh		Chị ruột	Nữ	241 đường Đội Cung, phường Hạc Thanh, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	038173003287	14/6/2017	Cục CS QLHC về TTXH			Việt Nam
7	Đặng Văn Khiết		Bố vợ	Nam	PK8 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, Hà Nội	001043002605	15/10/2018	Cục CS QLHC về TTXH			Việt Nam
8	Nguyễn Kim Dung		Mẹ vợ	Nữ	Mất năm 2022						Việt Nam
9	Đặng Thanh Thủy		Chị vợ	Nữ	Số 323 đường La Thành, P Ô Chợ Dừa TP HN	001171022555	01/6/2023	Cục CS QLHC về TTXH			Việt Nam



DANH SÁCH NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN¹

Số TT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/ Quan hệ	Giới tính	Địa chỉ	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Điện thoại	Fax	Quốc tịch
10	Đặng Thị Anh Thư		Chị vợ	Nữ	PK8 Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, Hà Nội	001172020149		Cục CS QLHC về TTXH				Việt Nam
11	Nguyễn Ngọc Mai		Anh rể	Nam	Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	038057004222	22/06/2018	Cục CS QLHC về TTXH				Việt Nam
12	Trương Văn Minh		Anh rể	Nam	119 Sơn Lợi, phường Sầm Sơn, TP. Sầm Sơn, Thanh Hóa	038066006429	10/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH				Việt Nam
13	Hà Trọng Quế		Anh rể	Nam	241 đường Đội Cung, phường Hạc Thành, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	038072000688	26/05/2016	Cục CS QLHC về TTXHs				Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2026

Người khai



Đoàn Quang Long

¹ Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định "Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, em rể, em dâu, em rể của cá nhân đó;
- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.